

LỜI MỞ ĐẦU

Tài sản nói chung và tài sản cố định (TSCĐ) nói riêng là một trong những bộ phận quan trọng cấu thành nên yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp. Mặt khác TSCĐ còn phản ánh một bộ phận vốn kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời là điều kiện cần để doanh nghiệp tiết kiệm sức lao động và nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

Ngày nay, cùng với sự phát triển của nền sản xuất xã hội và sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật thì TSCĐ trong nền kinh tế quốc dân và trong các doanh nghiệp không ngừng đổi mới, hiện đại hóa và phát triển nhanh chóng về mặt số lượng cũng như chất lượng góp phần quan trọng vào việc tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng thu nhập cho người lao động. Chính vì vậy, quản lý TSCĐ là mục tiêu quan trọng của tất cả các doanh nghiệp, cũng như tất cả các bộ phận khác trong doanh nghiệp, kế toán nói chung và kế toán TSCĐ nói riêng đã góp phần quan trọng làm nên hiệu quả trong việc quản lý TSCĐ.

Đã 50 năm xây dựng và phát triển công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng vẫn đứng vững và phát triển trong cơ chế thị trường. Để đạt được kết quả đó, công ty luôn đặt ra câu hỏi là làm thế nào để quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản cũng như nguồn vốn hiện có. Xuất phát từ thực tế đó em lựa chọn đề tài: “*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng*” làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Kết cấu khóa luận ngoài “**Lời mở đầu**” và “**Kết luận**” gồm 3 chương chính như sau:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán TSCĐ trong các doanh nghiệp sản xuất

Chương 2: Thực tế tổ chức kế toán TSCĐ tại công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng.

**Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán
TSCĐ tại công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng.**

Mặc dù đã hết sức cố gắng, song do vốn hiểu biết còn hạn chế, thời gian tìm hiểu và thực tập chưa dài, vì vậy đề tài nghiên cứu chắc chắn không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô cùng các bạn đọc để đề tài nghiên cứu được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của Tiến sỹ Nghiêm Thị Thà cùng các anh chị trong phòng kế toán của công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng trong quá trình em hoàn thiện bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải phòng, tháng 6 năm 2010

Sinh viên

Đỗ Thị Lan

CHƯƠNG I

Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong các doanh nghiệp

1.1.TSCĐ, vị trí, ý nghĩa của TSCĐ trong doanh nghiệp.

1.1.1.Khái niệm TSCĐ

Một trong những yếu tố để các doanh nghiệp có thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đó là cần phải có những tư liệu sản xuất (như máy móc, thiết bị, nhà xưởng,...). Bộ phận quan trọng nhất trong các tư liệu sản xuất được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh là các TSCĐ.

TSCĐ là một bộ phận tư liệu sản xuất, giữ vai trò chủ yếu trong quá trình sản xuất, được coi là cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp. TSCĐ có thể có hình thái vật chất cụ thể (TSCĐ hữu hình) hay tồn tại dưới hình thức giá trị (TSCĐ vô hình) phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh có giá trị lớn và sử dụng trong một thời gian dài.

= > Từ những nội dung trên, có thể đưa ra một khái niệm khái quát về TSCĐ như sau:

TSCĐ là những tư liệu lao động có giá trị lớn (theo qui định hiện tại tài sản có giá trị lớn hơn 10.000.000 đồng), thời gian sử dụng dài, ít nhất trên 1 năm.

TSCĐ trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh nhiều chu kỳ nhưng không thay đổi hình thái vật chất ban đầu và giá trị hao mòn TSCĐ được chuyển dần vào sản phẩm dưới hình thức khấu hao.

TSCĐ được tính theo lượng giá trị của TSCĐ ở thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng. Loại giá này được gọi là giá ban đầu hay nguyên giá.

1.1.2.Đặc điểm của TSCĐ.

Nhận biết đặc điểm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác quản lý TSCĐ. TSCĐ cố định có một số đặc điểm sau:

✧ TSCĐ hữu hình tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh, không thay đổi hình thái vật chất ban đầu cho đến khi hư hỏng.

☆ Giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ bị giảm dần khi tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh do sự hao mòn.

☆ Giá trị hao mòn của TSCĐ được chuyển dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh hằng kỳ dưới hình thức chi phí khấu hao TSCĐ. Khấu hao TSCĐ là sự phân bổ một cách có hệ thống giá trị phải khấu hao của TSCĐ trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó.

☆ TSCĐ trải qua rất nhiều chu kỳ kinh doanh mới hoàn đủ một vòng quay của số vốn bỏ ra ban đầu để mua sắm. Do đó, doanh nghiệp phải quản lý TSCĐ về cả giá trị và hiện vật.

☆ Đối với TSCĐ có kết cấu phức tạp và nhiều bộ phận với mức độ hao mòn không đồng đều nên trong quá trình sử dụng có thể bị hư hỏng từng bộ phận, do vậy TSCĐ thường có quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ.

1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.

1.2.1. Vai trò của TSCĐ.

Trong điều kiện kinh tế thị trường, để tồn tại và phát triển các doanh nghiệp không ngừng phấn đấu để đạt được mục tiêu tăng năng suất lao động, tăng chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó các mục tiêu như cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho mọi người lao động, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước... cũng là vấn đề bức xúc cho doanh nghiệp trong thời kỳ đổi mới. Muốn làm được điều này thì biện pháp then chốt đối với các doanh nghiệp là chú trọng đến việc đổi mới kỹ thuật công nghệ, nói cách khác là phải đổi mới TSCĐ mà cụ thể là máy móc thiết bị...

Vì vậy hiện nay xu hướng tỷ trọng TSCĐ là máy móc thiết bị được đầu tư mới càng nhiều, ngược lại các tài sản khác không trực tiếp phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh có xu hướng giảm. Đặc biệt trong điều kiện khoa học kỹ thuật đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì vai trò của TSCĐ ngày càng được khẳng định.

TSCĐ là một trong những yếu tố giữ vai trò chủ yếu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Nó không chỉ biểu hiện một cách chính xác nhất năng lực và trình độ trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật mà còn biểu hiện qui mô vốn của các doanh nghiệp.

= > Nói tóm lại, TSCĐ là cơ sở vật chất có ý nghĩa to lớn đối với các doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp biết đầu tư, trang bị và sử dụng hợp lý TSCĐ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khẳng định mình trên thị trường. Sự cải tiến, hoàn thiện, đổi mới sử dụng có hiệu quả TSCĐ là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của nền kinh tế quốc dân nói chung và của mỗi doanh nghiệp nói riêng.

1.2.2. Yêu cầu quản lý TSCĐ.

◆ Về mặt hiện vật: Cần phải theo dõi, kiểm tra chặt chẽ tình hình trang bị và sử dụng TSCĐ, và quan trọng hơn là phải duy trì thường xuyên năng lực sản xuất ban đầu của nó. Trong quá trình sử dụng không làm mất mát TSCĐ, không để TSCĐ hư hỏng trước thời hạn quy định, thực hiện đúng quy chế bảo dưỡng, sửa chữa, sử dụng. Công ty kịp thời thanh lý các TSCĐ không cần dùng hoặc đã hư hỏng, không dự trữ quá mức tài sản chưa dùng, Định kỳ doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê, đánh giá lại TSCĐ.

◆ Về mặt giá trị: Phải quản lý chặt chẽ tình hình hao mòn. Việc trích và phân bổ khấu hao một cách khoa học, hợp lý để thu hồi vốn đầu tư phục vụ cho việc tái đầu tư TSCĐ. Hạn chế tối đa ảnh hưởng của hao mòn vô hình. Xác định giá trị còn lại của TSCĐ một cách chính xác giúp doanh nghiệp kịp thời đổi mới trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

= > Quản lý tốt TSCĐ không những đảm bảo cho năng lực sản xuất của TSCĐ mà còn đảm bảo cho lợi ích của doanh nghiệp. Vì vậy bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải thực hiện tốt công tác quản lý TSCĐ.

1.2.3. Nhiệm vụ hạch toán TSCĐ trong doanh nghiệp.

Quản lý và sử dụng tốt TSCĐ không chỉ tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kế hoạch sản xuất mà còn là biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, vì thế kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- ◆ Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp, chính xác, kịp thời số lượng và giá trị TSCĐ hiện có. Phản ánh hiện trạng tăng, giảm TSCĐ trong phạm vi toàn doanh nghiệp cũng như từng bộ phận sử dụng TSCĐ.

- ◆ Kiểm tra và phản ánh chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa, lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa, chi phí sửa chữa thực tế phát sinh. Kiểm tra giám sát thường xuyên việc giữ gìn, bảo quản bảo dưỡng và kế hoạch đầu tư đổi mới TSCĐ.

- ◆ Tính toán chính xác, kịp thời mức khấu hao và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản và chế độ qui định.

- ◆ Tham gia kiểm kê, kiểm tra định kỳ hay bất thường, tham gia đánh giá lại TSCĐ theo quy định của Nhà nước, Lập báo cáo về TSCĐ, tiến hành phân tích tình hình trang bị, sử dụng và bảo quản TSCĐ.

1.3. Phân loại và đánh giá lại TSCĐ.

1.3.1. Phân loại TSCĐ.

Tài sản cố định có nhiều loại, mỗi loại có đặc điểm kỹ thuật khác nhau, công dụng và thời gian sử dụng khác nhau, mục đích sử dụng khác nhau, Do đó phải tiến hành phân loại TSCĐ (sắp xếp thành từng loại, từng nhóm khác nhau theo một tiêu thức nào đó) để dễ dàng quản lý.

1.3.1.1. Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện.

Theo cách phân loại này thì TSCĐ gồm: TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình.

- ◆ Tài sản cố định hữu hình: Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất (từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một hay một số chức năng nhất định). Tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu như nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải... thỏa mãn các tiêu chuẩn của TSCĐ.

Để phân biệt TSCĐ với các tư liệu lao động khác như công cụ - dụng cụ, công cụ lao động nhỏ... thì trong chế độ quản lý tài chính hiện hành có quy định

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

về giá trị và thời gian sử dụng của TSCĐ. Hiện nay theo số 149/QĐ/BTC ngày 31/12/2001 về việc “ Ban hành 04 chuẩn mực kế toán Việt Nam” của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính, các tài sản được ghi nhận là TSCĐ phải thỏa mãn 4 điều kiện sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
2. Nguyên giá phải được xác định một cách đáng tin cậy.
3. Có thời gian sử dụng ước tính trên một năm.
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành (nghĩa là phải có giá trị từ 10.000.000 đồng trở lên).

Ví dụ: Nhà cửa – vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý...

◆ Tài sản cố định vô hình: Là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình.

Ví dụ: Quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, chi phí thành lập doanh nghiệp...

1.3.1.2. Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu.

Theo cách phân loại này thì TSCĐ gồm: TSCĐ tự có và TSCĐ thuê ngoài.

◆ TSCĐ tự có: Là TSCĐ được xây dựng mua sắm, và hình thành từ vốn tự có của doanh nghiệp, vốn ngân sách, vốn vay, vốn liên doanh. Đây là những TSCĐ thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.

◆ TSCĐ thuê ngoài: Là những tài sản không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, doanh nghiệp đi thuê để sử dụng trong một thời gian nhất định. Thuê tài sản gồm có thuê hoạt động và thuê tài chính.

★ TSCĐ thuê hoạt động: Là thuê tài sản mà bên cho thuê không có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản.

TSCĐ thuê hoạt động không thuộc quyền sở hữu tài sản. TSCĐ thuê hoạt động không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, doanh nghiệp chỉ có quyền sử dụng và mọi trách nhiệm đều được thể hiện trong hợp đồng đi thuê.

★ TSCĐ thuê tài chính: Là các TSCĐ đi thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Theo thông tư 105/2003/TT-BTC ban hành quyết định số 105/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính thì các trường hợp thuê tài sản dưới đây thường dẫn đến hợp đồng thuê tài chính:

- Bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho bên thuê khi hết thời hạn thuê.

- Tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, bên thuê có quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê với mức giá ước tính thấp hơn giá trị hợp lý vào cuối thời hạn thuê.

- Thời hạn thuê tài sản tối thiểu phải chiếm phần lớn thời gian sử dụng kinh tế của tài sản cho dù không có sự chuyển giao quyền sở hữu.

- Tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu chiếm phần lớn (tương đương) giá trị hợp lý của tài sản thuê.

- Tài sản thuê thuộc loại chuyên dùng mà chỉ có bên thuê có khả năng sử dụng không cần có sự thay đổi, sửa chữa lớn nào.

1.3.1.3 Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành.

Theo cách này TSCĐ bao gồm:

- TSCĐ hình thành từ nguồn được cấp (ngân sách hoặc cấp trên).
- TSCĐ hình thành từ nguồn vốn vay.
- TSCĐ hình thành từ nguồn vốn tự bổ xung (quỹ phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển)
- TSCĐ nhận góp vốn liên doanh bằng hiện vật.

1.3.1.4 Phân loại TSCĐ theo tình hình sử dụng.

Theo cách này TSCĐ bao gồm:

- ◆ TSCĐ đang dùng: Là những TSCĐ doanh nghiệp đang sử dụng cho

hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc các hoạt động phúc lợi hay an ninh quốc phòng của doanh nghiệp.

◆ TSCĐ chưa dùng: Là những TSCĐ cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh hay các hoạt động khác của doanh nghiệp song hiện tại chưa cần dùng đang được dự trữ để sau này sử dụng.

◆ TSCĐ không dùng, chờ sử lý: Là những TSCĐ không cần thiết hay không phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cần được thanh lý nhượng bán để thu hồi vốn đầu tư ban đầu đã bỏ ra.

1.3.1.5 Phân loại TSCĐ theo mục đích sử dụng.

Theo cách phân loại này thì TSCĐ bao gồm:

◆ TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh: Là những TSCĐ đang sử dụng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những tài sản này cũng được trích và tính khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

◆ TSCĐ phúc lợi: Là những TSCĐ dùng để phục vụ đời sống vật chất hay tinh thần của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp (nhà trẻ, câu lạc bộ, sân bóng ...). Những TSCĐ này thường được mua sắm bằng quỹ phúc lợi của doanh nghiệp. Do vậy giá trị khấu hao thường ghi giảm nguồn vốn hình thành mà không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

= > Tóm lại: Phân loại TSCĐ theo những tiêu thức khác nhau là việc hết sức cần thiết nhằm quản lý thống nhất TSCĐ trong doanh nghiệp, phục vụ phân tích tình hình trang bị, sử dụng TSCĐ cũng như để xác định các chỉ tiêu tổng hợp có liên quan đến TSCĐ. Phân loại TSCĐ là một trong những căn cứ để tổ chức kế toán TSCĐ.

1.3.2 Đánh giá TSCĐ

Đánh giá TSCĐ là biểu hiện giá trị TSCĐ bằng tiền theo những nguyên tắc nhất định. Theo nguyên tắc tính giá, TSCĐ được phản ánh theo 3 chỉ tiêu sau:

- Nguyên giá (giá trị ban đầu)
- Giá trị hao mòn
- Giá trị còn lại

1.3.2.1 Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá.

Về nguyên tắc, nguyên giá TSCĐ được xác định trên cơ sở chi phí thực tế mà đơn vị bỏ ra để hình thành và đưa TSCĐ vào sử dụng. Hay nói cách khác, nguyên giá TSCĐ là toàn bộ chi phí có liên quan đến việc mua sắm, xây dựng TSCĐ kể cả chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt, chạy thử cho đến khi TSCĐ đã được đưa vào sử dụng. Để đảm bảo tính thống nhất trong hạch toán và quản lý TSCĐ, Nhà nước quy định nội dung chi phí hình thành nguyên giá TSCĐ trong từng trường hợp cụ thể như sau:

a. Đối với TSCĐ hữu hình:

- ◆ TSCĐ hữu hình do mua sắm: Nguyên giá bao gồm: giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí chuẩn bị mặt hàng, chi phí lắp đặt chạy thử (trừ các khoản thu hồi về sản phẩm phế liệu cho chạy thử), chi phí chuyên gia và các chi phí khác.

- ◆ TSCĐ do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu: thì nguyên giá được xác định là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng theo qui định tại qui chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

- ◆ TSCĐ mua theo phương thức trả chậm: nguyên giá được phản ánh theo giá mua trả ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh theo kì hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình theo qui định chuẩn mực “chi phí đi vay”.

- ◆ TSCĐ tự xây dựng hoặc tự chế: Nguyên giá là giá thành thực tế của tài sản tự xây dựng hoặc tự chế cộng chi phí lắp đặt, chạy thử. Nếu doanh nghiệp sử dụng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành TSCĐ thì nguyên giá chỉ là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Mọi khoản lãi nội bộ, chi phí không hợp lý hoặc các khoản vượt chi quá mức bình thường không được tính vào nguyên

giá.

◆ TSCĐ dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ không tương tự: Nguyên giá TSCĐ mua dưới hình thức trao được xác định theo giá trị hợp lý của TSCĐ nhận về hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về.

◆ TSCĐ dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ tương tự (tài sản có công dụng tương tự, cùng trong lĩnh vực kinh doanh và có giá trị tương đương) thì nguyên giá là giá trị còn lại của TSCĐ đem trao đổi không có bất kỳ khoản lỗ hoặc lãi nào trong quá trình trao đổi.

◆ TSCĐ được cấp, điều chuyển đến: thì nguyên giá bao gồm: giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của TSCĐ ở đơn vị cấp, ở đơn vị điều chuyển ... hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của hội đồng giao nhận và các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí nâng cấp, lắp đặt chạy thử ... mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Riêng nguyên giá TSCĐ hữu hình điều chuyển giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong doanh nghiệp là nguyên giá phản ánh ở đơn vị bị điều chuyển phù hợp với bộ hồ sơ của TSCĐ đó. Đơn vị nhận TSCĐ căn cứ vào nguyên giá, số khấu hao lũy kế, giá trị còn lại trên sổ kế toán và bộ hồ sơ của TSCĐ đó để phản ánh vào sổ kế toán. Các chi phí có liên quan tới việc điều chuyển TSCĐ giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc thì không hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ mà hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

◆ TSCĐ nhận vốn góp liên doanh, nhận lại vốn góp, được tài trợ, biếu tặng ... : thì nguyên giá là giá trị theo đánh giá thực tế của hội đồng giao nhận. Các chi phí như chi phí vận chuyển, bốc dỡ, ... mà bên nhận phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

b. Đối với TSCĐ vô hình

Nguyên giá của TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng

theo dự kiến. Nguyên giá được xác định như sau:

- ◆ TSCĐ vô hình mua riêng biệt: Nguyên giá bao gồm giá mua (trừ đi các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

- ◆ TSCĐ vô hình mua sắm theo phương thức trả chậm, trả góp: Nguyên giá được phản ánh theo giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá TSCĐ (Vốn hóa) theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

- ◆ TSCĐ hình thành từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị: Nguyên giá của nó là giá trị hợp lý của các chứng từ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị.

- ◆ TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn: Là giá trị quyền sử dụng đất khi doanh nghiệp đi thuê đất trả tiền thuê một lần cho nhiều năm và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc số tiền đã trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp, hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

- ◆ TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn: Nguyên giá được xác định theo giá trị hợp lý ban đầu cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào sử dụng theo dự định.

c. Đối với TSCĐ thuê tài chính

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê giống đơn vị chủ sở hữu tài sản là giá trị hợp lý của tài sản thuê tại điểm khởi đầu tại thời điểm thuê tài sản (bao gồm giá mua thực tế, chi phí vận chuyển, bốc dỡ, các chi phí sửa chữa, tân trang, chi phí lắp đặt, chạy thử ...)

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tài sản tối thiểu thì nguyên giá ghi theo giá trị hiện tại của khoản

thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Phần chênh lệch giữa tiền thuê TSCĐ phải trả cho đơn vị cho thuê và nguyên giá TSCĐ được hạch toán vào chi phí kinh doanh phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê tài chính.

1.3.2.2 Đánh giá TSCĐ theo giá trị hao mòn:

Trong quá trình sử dụng do chịu ảnh hưởng của nhiều nguyên nhân khác nhau TSCĐ của doanh nghiệp bị hao mòn với hai hình thức: Hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình.

◆ Hao mòn hữu hình của TSCĐ: Là sự hao mòn về mặt vật chất, về giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ trong quá trình sử dụng.

-Về mặt vật chất đó là sự hao mòn có thể nhận thấy được từ sự thay đổi trạng thái vật chất ban đầu ở các bộ phận, chi tiết TSCĐ dưới sự tác động của ma sát, tải trọng, nhiệt độ, hóa chất, ...

-Về giá trị sử dụng đó là sự giảm sút về chất lượng, tính năng kỹ thuật ban đầu trong quá trình sử dụng và cuối cùng là không còn sử dụng được nữa.

-Về giá trị đó là sự giảm dần giá trị của TSCĐ cùng với quá trình chuyển dịch dần từng phần giá trị hao mòn vào giá trị sản phẩm sản xuất.

◆ Hao mòn vô hình: Là sự hao mòn thuần túy về mặt giá trị của TSCĐ, biểu hiện sự giảm sút về giá trị trao đổi của TSCĐ do ảnh hưởng của tiến bộ khoa học kỹ thuật.

= > Giá trị hao mòn của TSCĐ được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng bằng phương pháp khấu hao. Số khấu từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

1.3.2.3 Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại.

Ngoài cách đánh giá trên, để phản ánh đúng đắn năng lực thực tế về TSCĐ thì TSCĐ còn được đánh giá theo giá trị còn lại.

Giá trị còn lại của TSCĐ là số vốn đầu tư hiện có trong tài sản ở một thời điểm nhất định, đó chính là giá vốn cố định còn phải thu hồi và tính theo công thức:

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá} - \text{Giá trị hao mòn}$$

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ: Giá mua (giá hóa đơn, giá ghi trên hợp đồng, ...) hoặc giá được xác định bởi các bên liên doanh cộng tác chi phí trước khi sử dụng (chi phí lắp đặt, chạy thử, ...)

- Giá trị hao mòn: Số tiền trích khấu hao đưa vào chi phí liên quan. Nếu TSCĐ được đánh giá lại thì giá trị còn lại của TSCĐ cũng được xác định lại:

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại} = \text{Giá trị còn lại của tài sản đánh giá lại} \times \frac{\text{Giá trị đánh giá lại của TSCĐ}}{\text{Nguyên giá TSCĐ}}$$

1.4. Kế toán khấu hao TSCĐ

1.4.1 Khái niệm

Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn dần và đến một thời điểm nào đó thì TSCĐ này không còn dùng được nữa. Để đảm bảo tái sản xuất TSCĐ, doanh nghiệp phải tiến hành trích khấu hao TSCĐ. Trích khấu hao là việc chuyển đến giá trị của TSCĐ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản để hình thành nên nguồn vốn khấu hao dùng mua sắm lại TSCĐ mới.

Khấu hao TSCĐ là chuyển dần giá trị hao mòn TSCĐ vào các chi phí có liên quan. Và vì vậy chi phí sản xuất kinh doanh phải bao gồm phần khấu hao TSCĐ từng kỳ.

1.4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ.

Có nhiều phương pháp trích khấu hao TSCĐ. Quyết định lựa chọn phương pháp nào tùy thuộc vào điều kiện sản xuất kinh doanh, đặc điểm TSCĐ của mỗi doanh nghiệp. Giá trị phải khấu hao của TSCĐ được phân bổ một cách có hệ thống vào chi phí kinh doanh trong thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Phương pháp khấu hao phải phù hợp với lợi ích kinh tế mà tài sản đem lại cho doanh nghiệp. Khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON HẢI PHÒNG

kinh doanh trong kỳ trừ khi chúng được tính vào giá trị của tài sản khác như khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai, hay là một bộ phận chi phí cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình hoặc chi phí khấu hao dùng cho quá trình xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác.

Theo chuẩn mực số 03 – TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình có 3 phương pháp khấu hao:

- Phương pháp khấu hao đường thẳng
- Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần
- Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm

1.4.2.1 Phương pháp khấu hao bình quân (phương pháp đường thẳng).

Đây là phương pháp trích khấu hao đơn giản nhất và thường được áp dụng nhiều nhất. Theo phương pháp khấu hao đường thẳng, số khấu hao được chia đều và cố định trong mỗi kỳ kinh doanh. Mức khấu hao tính dựa trên giá trị của TSCĐ và thời gian sử dụng.

Theo phương pháp này người ta dựa vào thời gian sử dụng hữu ích của tài sản để trích khấu hao theo công thức:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Mức khấu hao} & = & \text{Nguyên giá} & \times & \text{Tỷ lệ khấu hao} \\ (\text{năm}) & & \text{TSCĐ} & & (\text{năm}) \end{array}$$

Trong đó tỷ lệ khấu hao (năm):

$$\text{Tỷ lệ khấu hao} = \frac{1}{\text{Số năm sử dụng hữu ích của tài sản}}$$

$$\text{Mức khấu hao năm} = \text{Nguyên giá} \times \text{Tỷ lệ khấu hao (năm)}$$

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{\text{Mức khấu hao năm}}{12}$$

Trường hợp thời gian sử dụng hay nguyên giá TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức khấu hao trung bình của TSCĐ bằng cách lấy giá

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

trị còn lại trên sổ kế toán chia cho thời gian sử dụng xác định lại hoặc thời gian sử dụng còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian sử dụng đã đăng ký trừ đi thời gian đã dụng) của TSCĐ

Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian sử dụng TSCĐ được xác định là hiệu số giữa nguyên giá TSCĐ và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của TSCĐ đó.

- Đối với TSCĐ đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2009 cách xác định mức trích khấu hao như sau:

+ Căn cứ vào số liệu trên sổ kế toán, hồ sơ của TSCĐ để xác định giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ.

+ Xác định thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ theo công thức:

$$N = T' * (1 - t / T)$$

Trong đó:

N: Thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ

T: Thời gian sử dụng của TSCĐ theo quyết định 206/2003/QĐ-BTC

T': Thời gian sử dụng của tài sản cố định xác định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC.

t: thời gian thực tế đã tính khấu hao của TSCĐ

Xác định mức khấu hao hàng năm cho những năm còn lại:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ}}$$

$$\text{Mức trích khấu hao tháng} = \frac{\text{Mức khấu hao năm}}{12 \text{ tháng}}$$

$$\text{Tỷ lệ khấu hao} = \frac{1}{\text{Số năm sử dụng hữu ích của tài sản}}$$

1.4.2.2 Phương pháp khấu hao theo sản lượng

Khấu hao được tính cho mỗi sản phẩm mà TSCĐ tham gia vào sản xuất kinh doanh.

TSCĐ trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo sản lượng, khối lượng sản phẩm như sau:

Căn cứ vào hồ sơ kinh tế kỹ thuật của TSCĐ doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.

Căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm sử dụng của TSCĐ.

Xác định mức trích khấu hao trong tháng của TSCĐ theo công thức dưới đây:

$$\begin{array}{l} \text{Mức khấu hao} \\ \text{trong tháng của} \\ \text{TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản} \\ \text{phẩm sản xuất} \\ \text{trong tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao bình} \\ \text{quân tính cho một đơn} \\ \text{vị sản phẩm} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao bình quân} \\ \text{tính cho một đơn vị sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

Mức trích khấu hao năm của TSCĐ bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm hoặc tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{năm của TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{sản xuất trong năm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{bình quân tính cho một} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \end{array}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá TSCĐ thay đổi doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của TSCĐ.

1.4.2.3 Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh.

Mức trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh được xác định như sau:

Xác định thời gian sử dụng của TSCĐ theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Doanh nghiệp xác định thời gian sử dụng của TSCĐ theo quy định tại chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ ban hành kèm theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Xác định mức trích khấu hao năm của TSCĐ trong các năm dần theo công thức sau:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{TSCĐ}} \times \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}$$

Trong đó:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh} = \text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng} \times \text{Hệ số điều chỉnh}$$

$$\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng} = \frac{1}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh thời gian sử dụng của TSCĐ:

Thời gian sử dụng của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm	1,5
Trên 4 đến 6 năm	2,0
Trên 6 năm	2,5

Những năm cuối, mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của TSCĐ, thì kể từ năm đó mức khấu hao

được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ chia cho số năm sử dụng còn lại của TSCĐ.

Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

1.4.2 Khấu hao TSCĐ

▪ Nguyên tắc hạch toán:

- Đánh giá TSCĐ phải theo giá thực tế hình thành TSCĐ hoặc giá trị còn lại của TSCĐ.

- Kế toán TSCĐ phải phản ánh được 3 chỉ tiêu giá trị của TSCĐ: Nguyên giá, giá trị khấu hao lũy kế và giá trị còn lại của TSCĐ.

Giá trị còn lại = Nguyên giá – Giá trị khấu hao lũy kế của TSCĐ

- TSCĐ phải được phân loại theo phương pháp được qui định trong Hệ thống báo cáo tài chính và hướng dẫn của cơ quan thống kê, phục vụ cho yêu cầu quản lý của nhà nước.

▪ Sổ sách sử dụng:

- | | |
|--------------------------------------|----------------------|
| - Thẻ TSCĐ | (Mẫu số S23 – DN) |
| - Sổ TSCĐ | (Mẫu số S21 – DN) |
| - Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ | (Mẫu số 06 – TSCĐ) |
| - Sổ cái TK 214. | (Mẫu số S02c1 – DN) |

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

Đơn vị:.....

Mẫu số S23-DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số:.....

Ngày tháng..... năm..... lập thẻ.....

Căn cứ vào Biên bản giao nhận TSCĐ số..... ngày tháng..... năm

Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ:..... Số hiệu TSCĐ

Nguồn sản xuất (xây dựng)..... Năm sản xuất

Bộ phận quản lý, sử dụng..... Năm đưa vào sử dụng

Công suất (diện tích thiết kế):

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày tháng..... năm.....

Lý do đình chỉ

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn tài sản cố định		
	Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4

DỤNG CỤ PHỤ TÙNG KÈM THEO

Số TT	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	Đơn vị tính	Số l- ợng	Giá trị
A	B	C	1	2

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số:..... ngày tháng..... năm..

Lý do giảm:

Ngày..... tháng.... năm

Ng- ời lập

Kế toán tr- ởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Mẫu số S21-DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

Năm:.....

Loại tài sản:.....

Số TT	Ghi tăng TSCĐ							Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	N- ớc sản xuất	Tháng năm đ- a vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Khấu hao đã tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
	Số hiệu	Ngày tháng						Tỷ lệ (%) khấu hao	Mức khấu hao		Số hiệu	Ngày, tháng, năm	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	3	4	I	K	L
			Cộng	x	x	x					x	x	x

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ:.....

Ngày..... tháng.... năm

Ng- ời ghi số

(Ký, họ tên)

Kế toán tr- ởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 06-TSCĐ

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ởng BTC)

Số.....

Đơn vị:

Bộ phận:

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

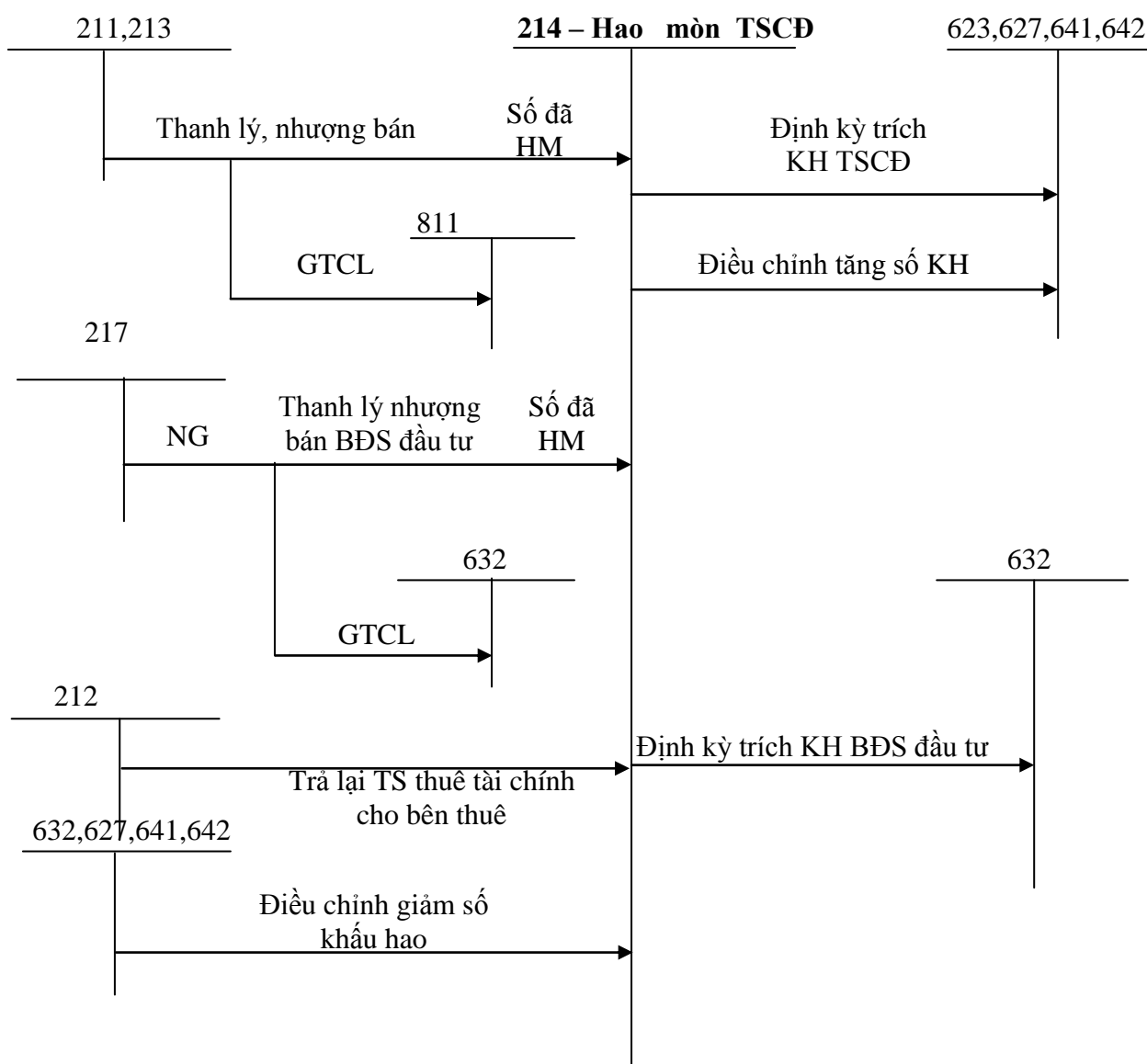
Tháng.... năm

Số TT	Chi tiêu	Tỷ lệ khấu hao (%) hoặc thời gian sử dụng	Nơi sử dụng		TK 627 - Chi phí sản xuất chung				TK 623 Chi phí sử dụng máy thi công	TK 641 Chi phí bán hàng	TK 642 Chi phí quản lý Doanh nghiệp	TK 241 XDCB dở dang	TK 142 Chi phí trả tr- ớc ngắn hạn	TK 242 Chi phí trả tr- ớc dài hạn	TK 335 Chi phí phải trả		
			Toàn DN		Phân x- ởng (sản phẩm)	Phân x- ởng (sản phẩm)	Phân x- ởng (sản phẩm)	Phân x- ởng (sản phẩm)									
			Nguyên giá TSCĐ	Số khấu hao													
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	...	
1	I- Số khấu hao trích tháng tr- ớc																
2	II- Số KH TSCĐ tăng trong tháng																
	-																
3	III- Số KH TSCĐ giảm trong tháng																
	-																
4	III- Số KH trích tháng này (I+II-III)																
	-																
	Cộng	X															

Ng- ời lập bảng
(Ký, họ tên)

Ngày.... tháng.....năm.....
Kế toán tr- ởng
(Ký, họ tên)

▪ Sơ đồ tổng quát khấu hao TSCĐ



1.5 Nội dung kế toán TSCĐ

1.5.1 Kế toán chi tiết TSCĐ.

TSCĐ trong doanh nghiệp có nhiều loại khác nhau, mỗi TSCĐ có thể là một hệ thống các bộ phận cấu thành. Do đó một trong những yêu cầu cần thiết trong quản lý TSCĐ trong doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết TSCĐ. Thông qua kế toán chi tiết, kế toán sẽ cung cấp những chỉ tiêu về cơ cấu, tình trạng kỹ thuật của TSCĐ, tình hình huy động và sử dụng TSCĐ cũng như trách nhiệm và tình hình bảo quản và sử dụng TSCĐ.

1.5.1.1 Đánh số TSCĐ.

Đánh số TSCĐ là việc qui định cho mỗi TSCĐ một số hiệu theo những

nguyên tắc nhất định, đảm bảo sử dụng thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp.

Việc đánh số TSCĐ được tiến hành theo từng đối tượng TSCĐ hay đối tượng ghi TSCĐ. Đối tượng ghi TSCĐ hữu hình là từng vật kết cấu hoàn chỉnh với tất cả các vật lắp ghép và phụ tùng kèm theo; hoặc là những vật thể riêng biệt về mặt kết cấu dùng để thực hiện các chức năng độc lập nhất định; hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định.

Mỗi đối tượng TSCĐ không phân biệt đang sử dụng hay dự trữ đều phải có số hiệu riêng. Số hiệu của từng đối tượng ghi TSCĐ không thay đổi trong suốt thời gian bảo quản, sử dụng TSCĐ trong doanh nghiệp. Kế toán không được dùng số hiệu của những TSCĐ đã thanh lý, nhượng bán, biếu tặng, đưa đi liên doanh, mất (TSCĐ đã giảm) cho những TSCĐ mới tăng thêm.

Mỗi doanh nghiệp có cách đánh số TSCĐ riêng phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp, song cần đảm bảo yêu cầu: Số hiệu TSCĐ phải thể hiện được loại, nhóm, và đối tượng ghi từng TSCĐ riêng biệt.

Trong thực tế có thể quy định số hiệu của TSCĐ theo nhiều cách khác nhau. Tuy nhiên, cách đơn giản nhất là sử dụng hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho doanh nghiệp, quy định chi tiết cho từng đối tượng TSCĐ.

Thông qua việc đánh số TSCĐ mà thống nhất được giữa các bộ phận trong việc theo dõi, quản lý, sử dụng TSCĐ tiện lợi cho việc sắp xếp TSCĐ, tra cứu, đối chiếu khi cần thiết cũng như tăng cường và ràng buộc trách nhiệm vật chất của các bộ phận, các nhân trong khi bảo quản và sử dụng TSCĐ.

1.5.1.2 Kế toán chi tiết TSCĐ tại nơi sử dụng, bảo quản TSCĐ

Việc theo dõi TSCĐ theo nơi sử dụng nhằm gắn trách nhiệm bảo quản, sử dụng tài sản với từng bộ phận, từ đó nâng cao trách nhiệm và hiệu quả trong bảo quản và sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp.

Tại các phòng, ban hay đội, công trường, phân xưởng hoặc các xí nghiệp thành viên trực thuộc doanh nghiệp sử dụng “Sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng” để theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ do từng đơn vị quản lý, sử dụng. Căn cứ ghi

sổ là các chứng từ gốc về tăng, giảm TSCĐ.

1.5.1.3 Kế toán chi tiết ở bộ phận kế toán doanh nghiệp:

Tại bộ phận kế toán doanh nghiệp, kế toán chi tiết TSCĐ sử dụng thẻ TSCĐ, Sổ đăng ký sổ TSCĐ, Sổ TSCĐ toàn doanh nghiệp để theo dõi tình hình tăng, giảm, hao mòn TSCĐ.

◆ Thẻ TSCĐ: do kế toán TSCĐ lập cho từng đối tượng ghi TSCĐ của doanh nghiệp, thẻ TSCĐ được lưu ở phòng kế toán trong suốt thời gian sử dụng và được bảo quản trong các hòm thẻ, hòm thẻ phải được sắp xếp khoa học theo từng nhóm, loại, và nơi sử dụng tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm và sử dụng.

◆ Sổ đăng ký thẻ TSCĐ: Khi lập thẻ TSCĐ cần đăng ký vào sổ đăng ký thẻ TSCĐ nhằm để phát hiện nếu thẻ bị thất lạc.

◆ Sổ TSCĐ: Mỗi loại TSCĐ được theo dõi trên cùng một trang sổ riêng hoặc một số trang để theo dõi tình hình tăng, giảm, khấu hao của các TSCĐ trong từng loại. Nếu một loại TSCĐ có nhiều thì nên chia sổ thành các phần để phản ánh đối tượng ghi TSCĐ thuộc từng nhóm giúp cho việc sử dụng số liệu lập báo cáo định kỳ về TSCĐ được thuận tiện.

Căn cứ để ghi vào thẻ TSCĐ, sổ TSCĐ, Sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng là các chứng từ về tăng, giảm, khấu hao TSCĐ và các chứng từ gốc có liên quan đó là:

- Biên bản giao nhận TSCĐ (Mẫu số 01 – TSCĐ)
- Biên bản thanh lý TSCĐ (Mẫu số 03 – TSCĐ)
- Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành(Mẫu số 04 – TSCĐ)
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ (Mẫu số 05 – TSCĐ)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các tài liệu kỹ thuật liên quan.

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

Mẫu số: 01-TSCĐ

Đơn vị:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Bộ phận:

ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ởng BTC)

BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ

Ngày..... tháng.... năm

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

- Căn cứ Quyết định số: ngày..... tháng..... năm
.....của:..... về việc
bàn giao TSCĐ:.....

Ban giao nhận TSCĐ gồm:

- Ông /Bàchức vụ:

..... Đại diện bên giao

- Ông /Bà chức vụ:

..... Đại diện bên nhận

- Ông /Bà chức vụ:

.....Đại diện

Địa điểm giao nhận TSCĐ:

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ nh- sau:

Số TT	Tên, ký hiệu quy cách (cấp hạng TSCĐ)	Số hiệu TSCĐ	N- ớc sản xuất (XD)	Năm sản xuất	Năm đ- a vào sử dụng	Công suất (diện tích thiết kế)	Tính nguyên giá TSCĐ					
							Giá mua (ZSX)	Chi phí vận chuyển	Chi phí chạy thử	...	Nguyên giá TSCĐ	Tài liệu kỹ thuật kèm theo
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	E
	Cộng	x	x	x	x	x						x

DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KÈM THEO

STT	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	Đơn vị tính	Số l- ợng	Giá trị
A	B	C	1	2

Giám đốc bên nhận

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán tr- ởng bên nhận

(Ký, họ tên)

Ng- ời nhận

(Ký, họ tên)

Ng- ời giao

(Ký, họ tên)

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

Đơn vị:

Mẫu số: **02-TSCĐ**

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày..... tháng.... năm

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

- Căn cứ Quyết định số: ngày... tháng.... năm của
..... về việc thanh lý tài sản cố định

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông /Bà: Chức vụĐại diện..... Tr- ờng ban

- Ông /Bà: Chức vụĐại diện..... Ủy viên

- Ông /Bà: Chức vụĐại diện..... Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ:

- Số hiệu TSCĐ:

- N- ớc sản xuất (xây dựng):

- Năm sản xuất:

- Năm đ- a vào sử dụng: Số thẻ TSCĐ: ..

- Nguyên giá TSCĐ:.....

- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý:

- Giá trị còn lại của TSCĐ:

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:

.....

Ngày..... tháng.... năm

Tr- ờng ban thanh lý

(Ký, họ tên)

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ:..... (viết bằng chữ)

- Giá trị thu hồi:(viết bằng chữ)

- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày..... tháng..... năm

Ngày..... tháng.... năm ...

Kế toán tr- ờng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

Đơn vị:

Mẫu số: 03-TSCĐ

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

BIÊN BẢN BÀN GIAO TSCĐ SỬA CHỮA LỚN HOÀN THÀNH

Ngày..... tháng.... năm

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

Căn cứ Quyết định số:.....ngày..... tháng..... năm của.....

Chúng tôi gồm:

- Ông /Bà: Chức vụĐại diện..... đơn vị sửa chữa
- Ông /Bà: Chức vụĐại diện..... đơn vị có TSCĐ

Đã kiểm nhận việc sửa chữa TSCĐ nh- sau:

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ:
- Số hiệu TSCĐ: Số thẻ TSCĐ:
- Bộ phận quản lý, sử dụng:
- Thời gian sửa chữa từ ngày.... tháng.... năm đến ngày.... tháng.... năm

Các bộ phận sửa chữa gồm có:

Tên bộ phận sửa chữa	Nội dung (mức độ) công việc sửa chữa	Giá dự toán	Chi phí thực tế	Kết quả kiểm tra
A	B	1	2	3
	Cộng			

Kết luận:

Kế toán tr- ờng

Đại diện đơn vị nhận

Đại diện đơn vị giao

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

Đơn vị:

Mẫu số: **04-TSCĐ**

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ LẠI TSCĐ

Ngày..... tháng.... năm

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

- Căn cứ Quyết định số: ngày..... tháng..... năm.....

Của Về việc đánh giá lại TSCĐ

- Ông /Bà Chức vụ Đại diện Chủ tịch Hội đồng

- Ông /Bà Chức vụ Đại diện Ủy viên

- Ông/ Bà Chức vụ Đại diện Ủy viên

Đã thực hiện đánh giá lại giá trị các TSCĐ sau đây:

Số TT	Tên, ký mã hiệu quy cách (cấp hạng) TSCĐ	Số hiệu TSCĐ	Số thẻ TSCĐ	Giá trị đang ghi sổ			Giá trị còn lại theo đánh giá lại	Chênh lệch	
				Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại		Tăng	Giảm
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
	Cộng	X	X						

Ghi chú: Cột 4 "Giá trị còn lại theo đánh giá lại". Nếu đánh giá lại cả giá trị hao mòn thì Cột 4 phải tách ra 3 cột t- ơng ứng cột 1, 2, 3.

Kết luận:

Ngày.... tháng.....năm.....

Ủy viên/ng- ười lập

Kế toán tr- ờng

Chủ tịch Hội đồng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

1.5.2 Kế toán tổng hợp TSCĐ

Kế toán tổng hợp TSCĐ đóng vai trò chính trong công tác kế toán TSCĐ. Để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của toàn bộ TSCĐ trong doanh nghiệp, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- ◆ Tài khoản 211 – TSCĐ hữu hình:
 - TK 2111: Nhà cửa, vật kiến trúc.
 - TK 2112: Máy móc, thiết bị.
 - TK 2113: Phương tiện vận tải, truyền dẫn.
 - TK 2114: Thiết bị, dụng cụ quản lý.
 - TK 2115: Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm.
 - TK 2118: TSCĐ khác.
- ◆ TK 212 – TSCĐ thuê tài chính:
- ◆ TK 213 – TSCĐ vô hình:
 - TK 2131: Quyền sử dụng đất.
 - TK 2132: Quyền phát hành.
 - TK 2133: Bản quyền, bằng sáng chế.
 - TK 2134: Nhãn hiệu hàng hóa.
 - TK 2135: Phần mềm máy tính.
 - TK 2136: Giấy phép và giấy phép chuyển nhượng.
 - TK 2138: TSCĐ vô hình khác.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản khác như: TK 111, TK 112, TK 133, TK 214, TK 411, ...

- ◆ Khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế làm tăng TSCĐ:
 - Căn vào các chứng từ có liên quan đến việc tăng tài sản như hóa đơn, phiếu chi, ... tiến hành lập biên bản bao nhận TSCĐ, sau khi được giám đốc và kế toán trưởng ký duyệt, chuyển cho phòng kế toán cùng với hồ sơ gốc khác của TSCĐ.
 - Kế toán lập thẻ TSCĐ căn cứ vào bộ hồ sơ gốc và lưu giữ tại phòng kế toán tong suốt quá trình sử dụng TSCĐ.

- Căn cứ vào thẻ TSCĐ, đăng ký vào sổ TSCĐ.

◆ khi phát sinh các nghiệp vụ làm giảm TSCĐ:

- Thành lập hội đồng đánh giá thực trạng về mặt kỹ thuật và thẩm định giá trước khi nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

- Căn cứ trên các chứng từ liên quan, lập biên bản giao nhận TSCĐ, đồng thời với việc lập hóa đơn bán TSCĐ hoặc biên bản thanh lý TSCĐ.

- Hoàn tất việc ghi chép trên thẻ TSCĐ (ngày đình chỉ sử dụng và lý do đình chỉ) và tiến hành xóa sổ TSCĐ trên sổ chi tiết TSCĐ.

1.5.2.1 Kế toán tổng hợp TSCĐ hữu hình.

◆ Nguyên tắc hạch toán:

- Giá trị TSCĐ hữu hình phản ánh trên tài khoản 211 theo nguyên giá. Kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên giá của từng loại TSCĐ. Nguyên giá TSCĐ được xác định theo từng nguồn hình thành.

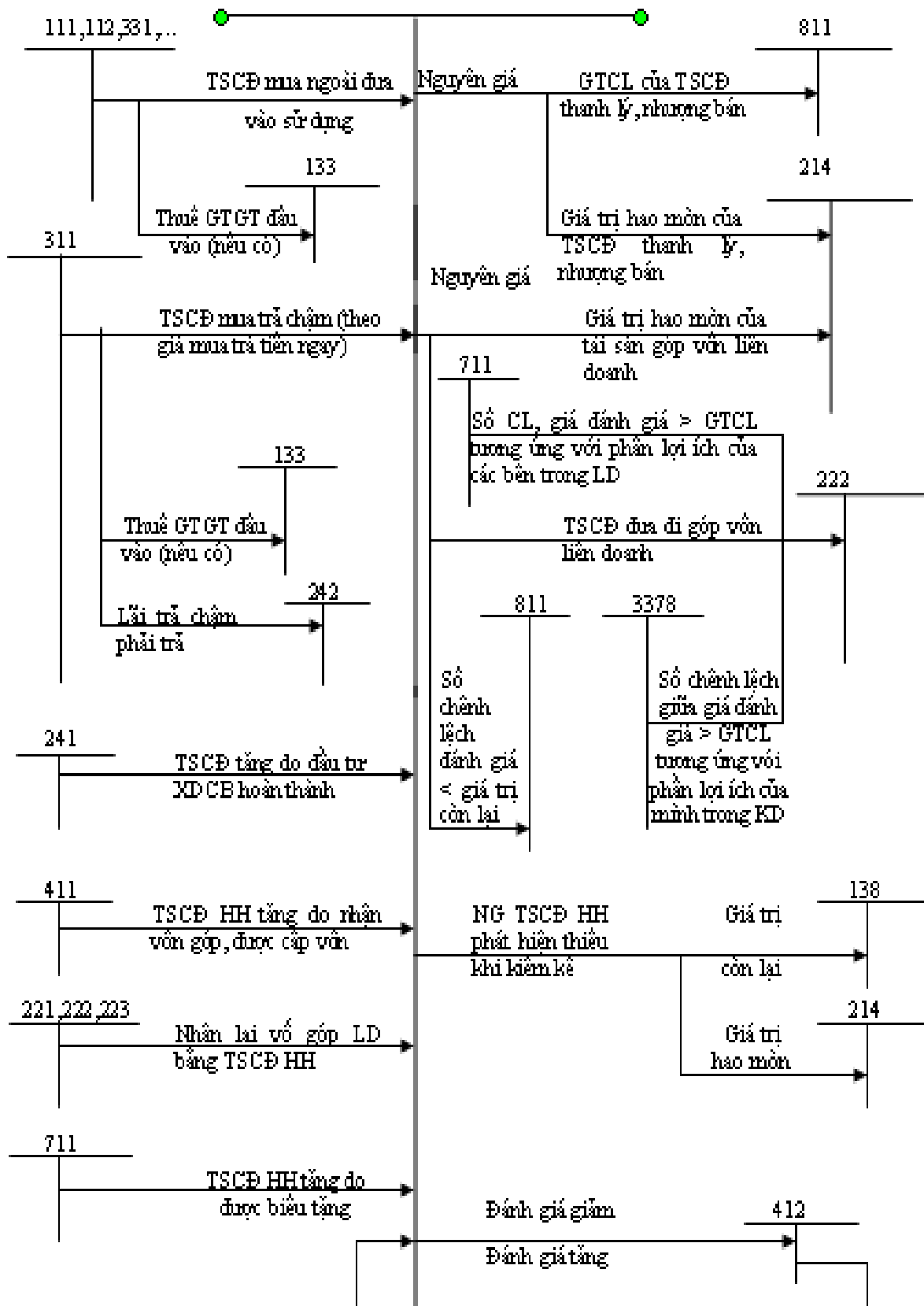
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình không được thay đổi trong suốt vòng đời sử dụng của tài sản trừ trong một số tình huống đặc biệt.

- Mọi trường hợp tăng, giảm TSCĐ hữu hình đều phải lập biên bản giao nhận TSCĐ và phải thực hiện đúng thủ tục quy định. Kế toán có nhiệm vụ lập và hoàn chỉnh hồ sơ TSCĐ về mặt kế toán.

- TSCĐ hữu hình phải được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng sử dụng theo từng loại và địa điểm bảo quản, quản lý tài sản.

- ◆ Sơ đồ kế toán tổng hợp tăng giảm TSCĐ hữu hình:

211 – TSCĐ hữu hình



1.5.2.2 Kế toán tổng hợp TSCĐ vô hình.

◆ Nguyên tắc hạch toán:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình phản ánh trên tài khoản 213 là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

- Các chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai nếu không thỏa mãn định nghĩa và các tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình thì được tập hợp vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hoặc phân bổ dần.

- Trong quá trình sử dụng phải tiến hành trích khấu hao TSCĐ vô hình vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Các chi phí liên quan đến TSCĐ vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

➤ Chi phí phát sinh có khả năng làm cho TSCĐ vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu.

➤ Chi phí đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với TSCĐ vô hình cụ thể.

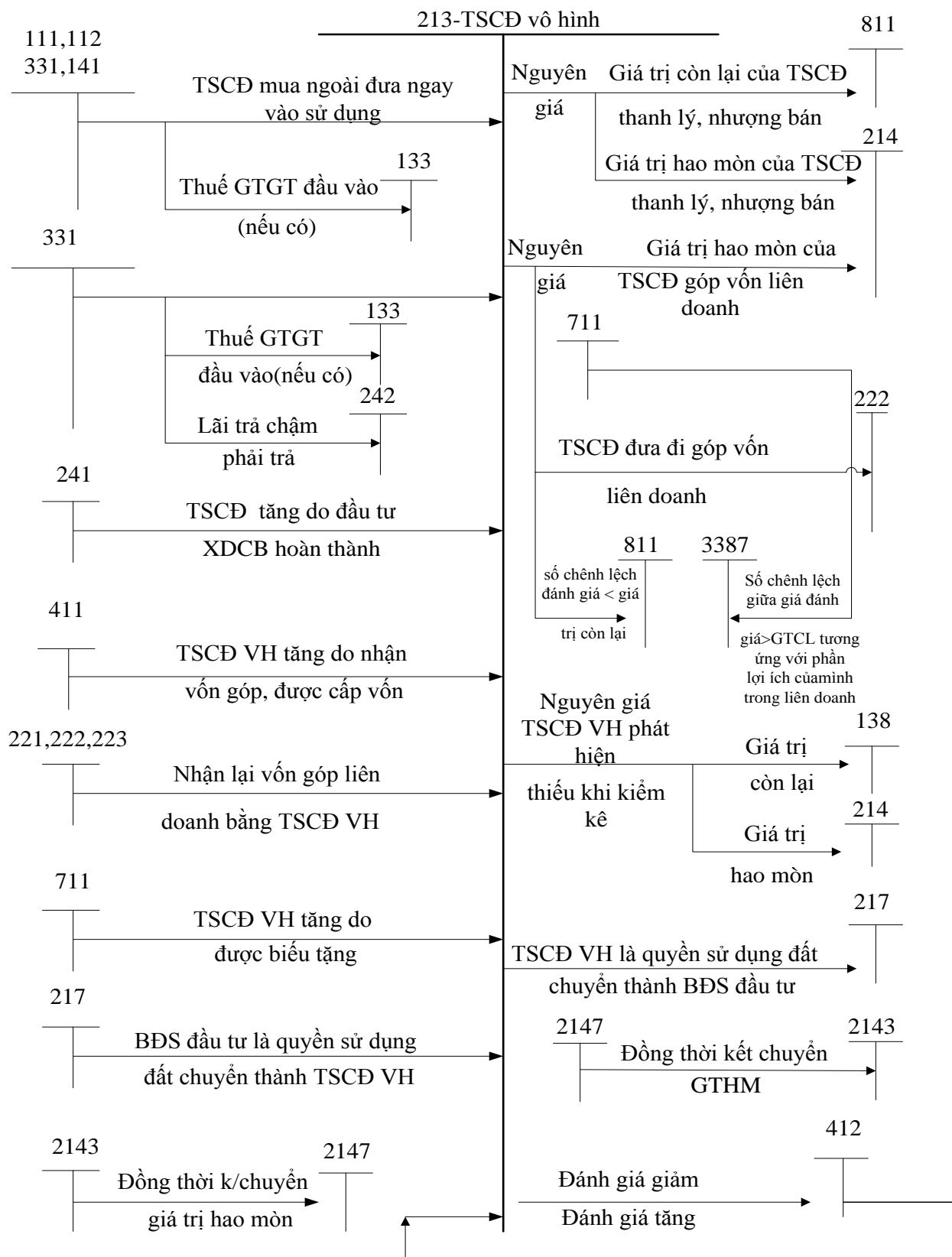
- Chi phí liên quan đến TSCĐ vô hình đã được doanh nghiệp ghi nhận là chi phí để xác định kết quả hoạt động kinh doanh kì trước đó thì không được tái ghi nhận vào nguyên giá TSCĐ vô hình.

- Các nhãn hiệu hàng hóa, quyền phát hành, danh sách khách hàng và các khoản mục tương tự được hình thành trong nội bộ doanh nghiệp không được ghi nhận là TSCĐ vô hình.

- TSCĐ vô hình phải được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi trong sổ TSCĐ.

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON HẢI PHÒNG

◆ Sơ đồ kế toán tổng hợp tăng giảm TSCĐ vô hình:



1.5.2.3 Kế toán tổng hợp TSCĐ thuê tài chính.

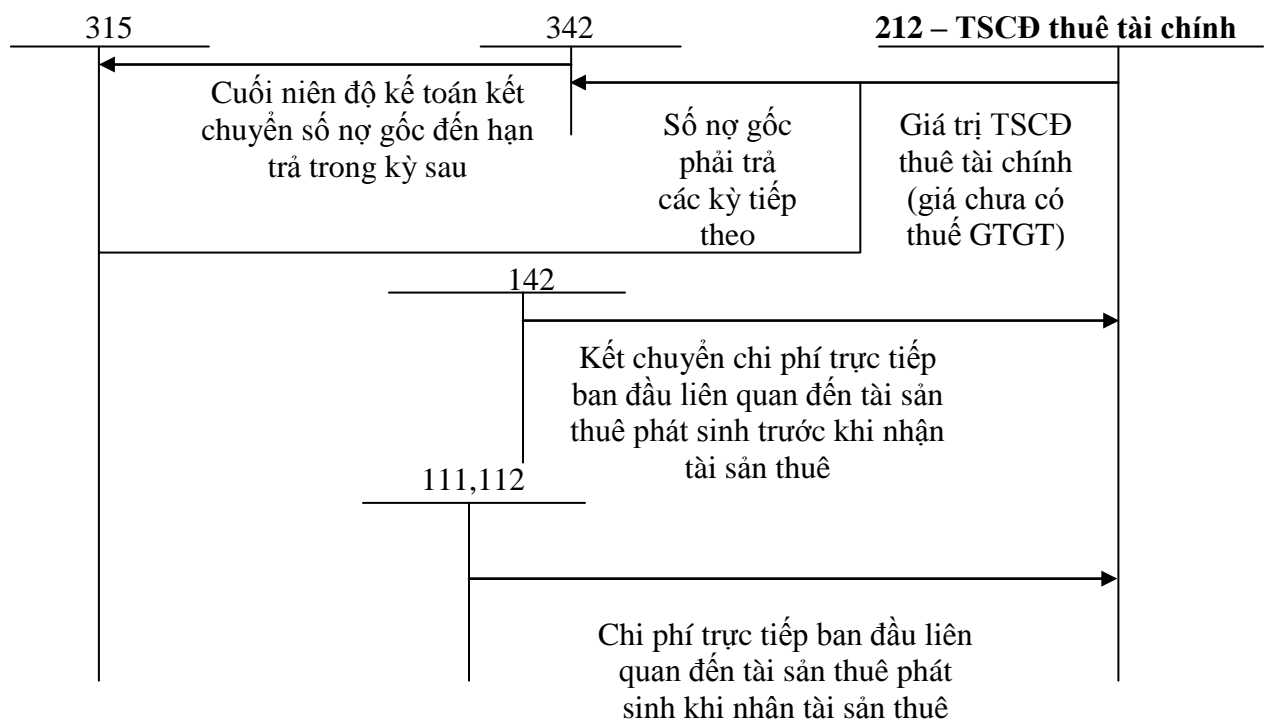
Thuê tài chính là hình thức được tài trợ vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng yêu cầu tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

TSCĐ thuê tài chính chưa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp có nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý, quản lý và sử dụng như tài sản của doanh nghiệp.

Ghi nhận nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính tại thời điểm khởi đầu thuê theo giá trị hợp lý hoặc theo hiện giá của tiền thuê tối thiểu.

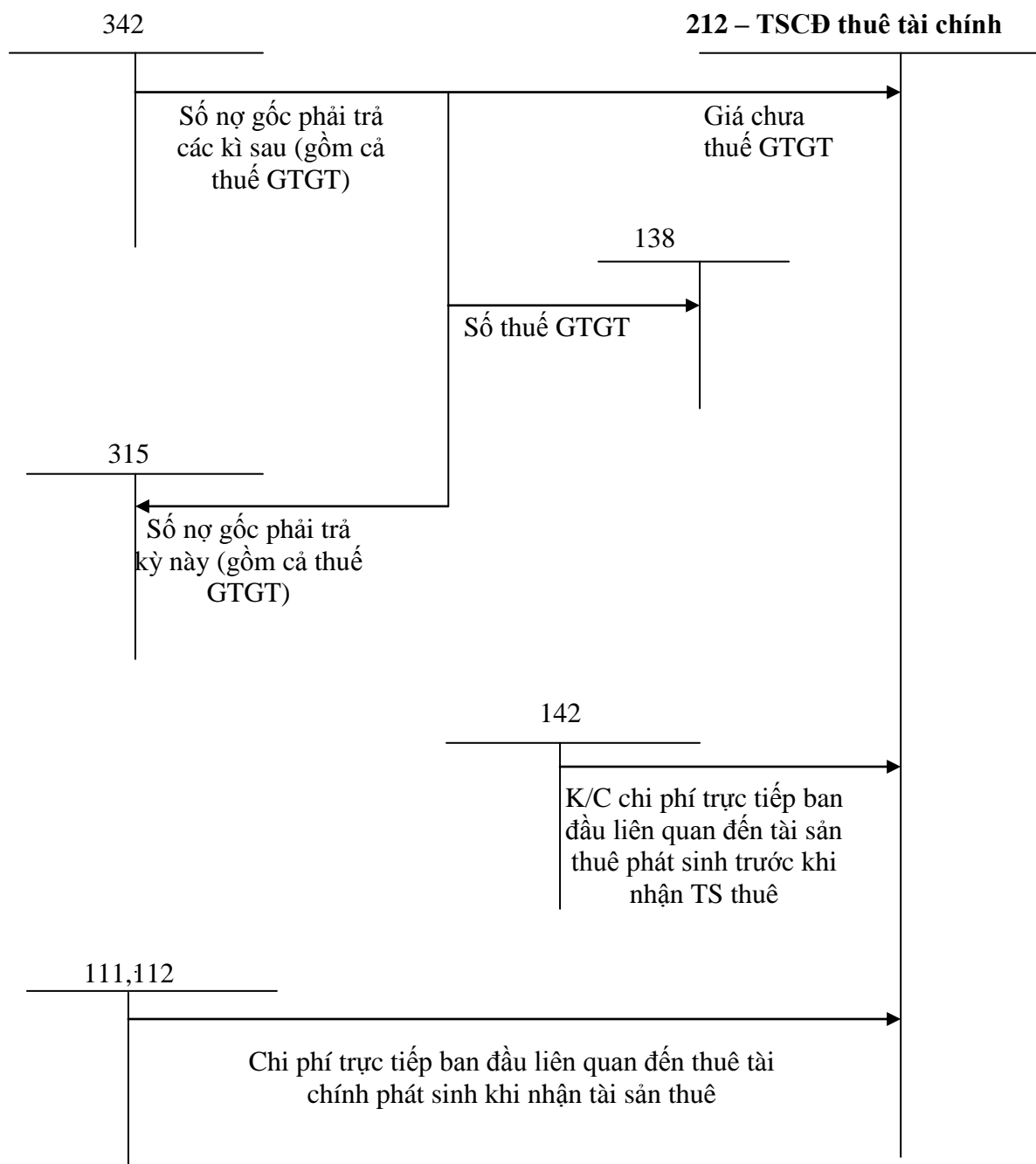
Số thuế GTGT bên thuê phải trả cho bên cho thuê theo định kỳ nhận được hóa đơn thanh toán tiền thuê tài chính, nếu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì ghi vào bên Nợ “Thuế GTGT được khấu trừ”; Ngược lại nếu không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

a) Trường hợp số nợ gốc phải trả về thuê tài chính xác định theo giá mua chưa có thuế GTGT mà bên cho thuê đã trả khi mua tài sản để cho thuê. (Khi nhận TSCĐ thuê tài chính):



**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

b) Trường hợp số nợ gốc phải trả về thuê tài chính xác định theo giá có thuế GTGT mà bên cho thuê đã trả khi mua tài sản để cho thuê: (Khi nhận TSCĐ thuê tài chính):



1.5.3 Kế toán sửa chữa TSCĐ

- Trong quá trình sử dụng TSCĐ cần được tu bổ, sửa chữa để duy trì hoạt động của TSCĐ liên tục, tăng hiệu quả ... có 2 loại sửa chữa:

- Sửa chữa nhỏ (Sửa chữa thường xuyên): Chi phí sửa chữa không lớn, chi phí được hạch toán trực tiếp vào các bộ phận sử dụng TSCĐ.

- Sửa chữa lớn (Sửa chữa định kỳ): Chi phí sửa chữa cao, thời gian dài, làm tăng năng lực, công suất của TSCĐ. Ví dụ như đại tu máy móc, phương tiện vận tải, ...

- Nguyên tắc hạch toán:

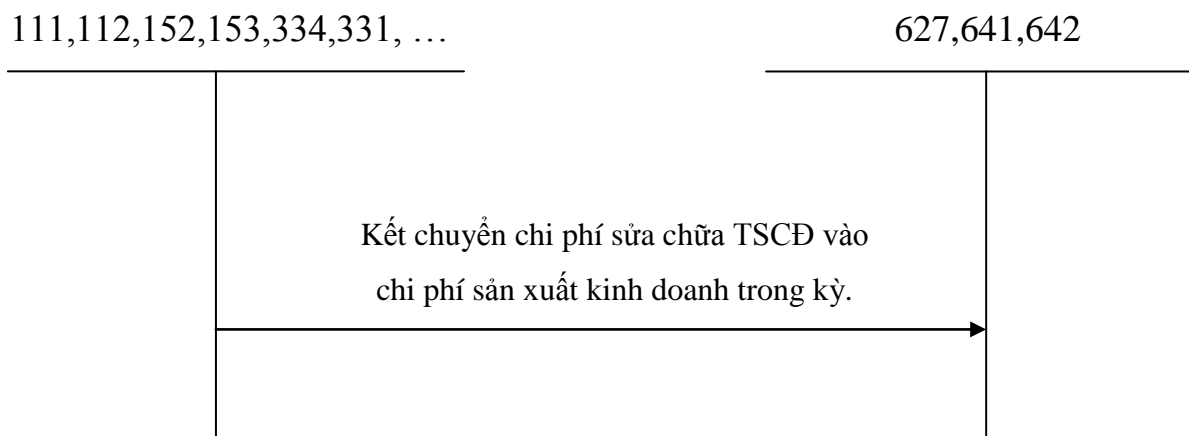
- Theo dõi chặt chẽ chi phí phát sinh trong quá trình sửa chữa lớn, kê cả tự làm hoặc thuê ngoài.

- Quyết toán công trình, biên bản nghiệm thu, bàn giao, ... khi công trình sửa chữa xong.

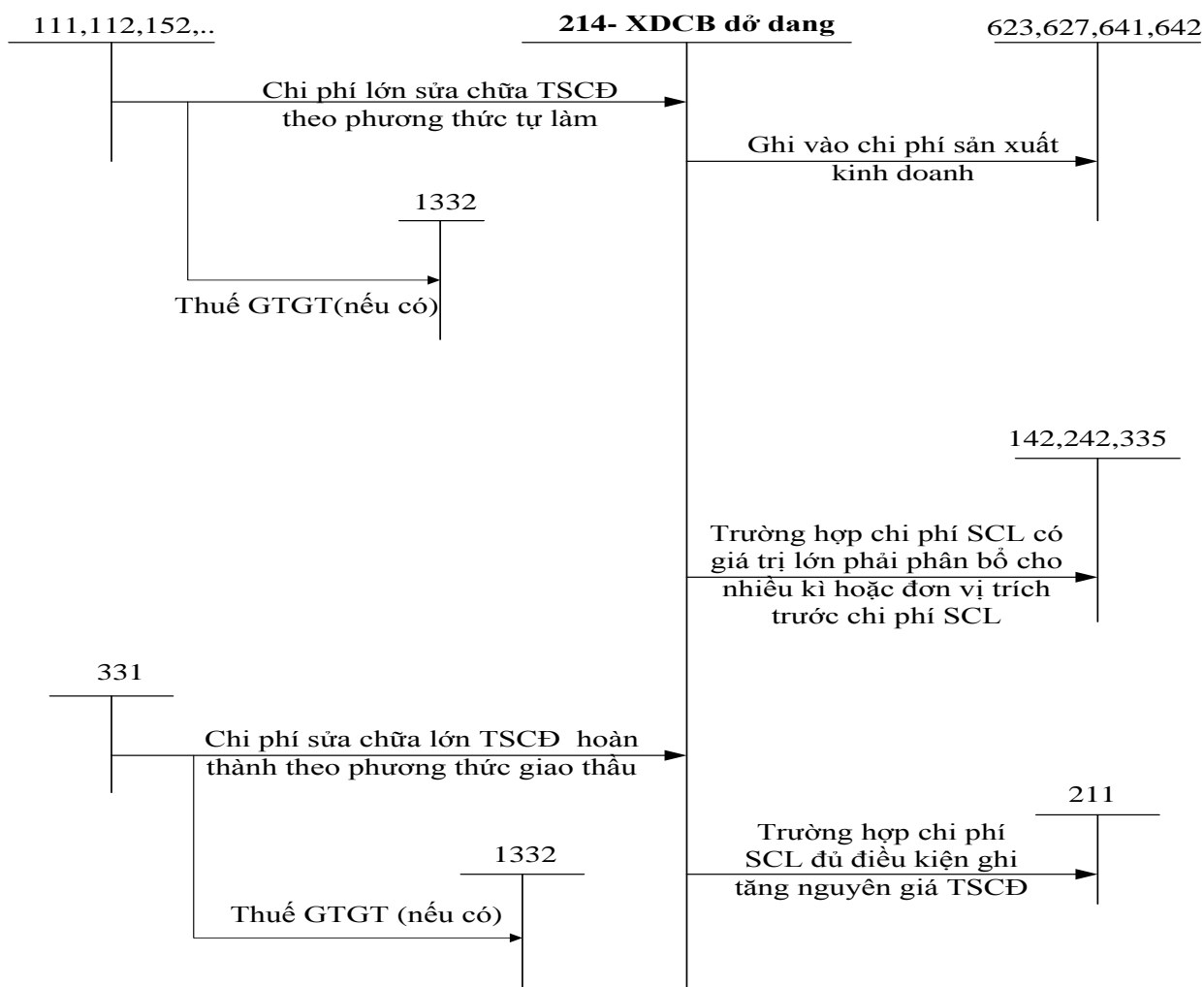
- Chi phí sửa chữa lớn được hạch toán vào các bộ phận sử dụng TSCĐ. Nếu chi phí quá lớn, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, kế toán chia ra và phân bổ dần vào nhiều kì (dùng TK 142 “ chi phí trả trước”).

- Khi đến định kỳ sửa chữa lớn TSCĐ hoặc đã xác định được kế hoạch chữa lớn TSCĐ, kế toán trích trước chi phí sửa chữa lớn dự kiến để phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì (dùng TK 335 “ chi phí phải trả” hoặc sử dụng TK 242 “ chi phí trả trước dài hạn”)

1.5.3.1 Kế toán chi phí sửa chữa nhỏ TSCĐ



1.5.3.2 Kế toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ



1.5.4 Tổ chức kế toán TSCĐ trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán.

1.5.4.1- Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Các hình thức kế toán trên máy vi tính như: Hình thức kế toán Nhật ký chung, Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ, Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái và hình thức kế toán Nhật ký chứng từ. Hiện nay có 2 hình thức kế toán sử dụng phổ biến là:

1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

- Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

2. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+ Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

+ Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

● Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

(1)- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2)- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3)- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng

nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.5.4.2- Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính (Biểu số 05)

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

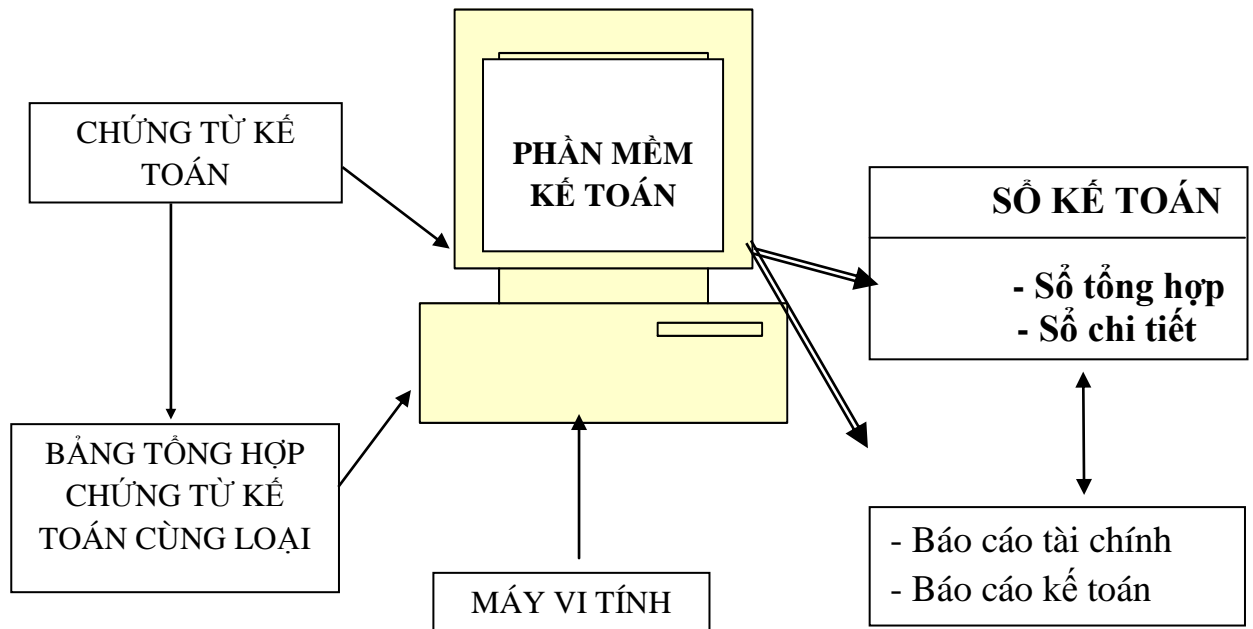
Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←.....> Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2

Thực tế tổ chức công tác kế toán tài sản cố định tại công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng.

2.1/ Giới thiệu chung về công ty cổ phần Sơn Hải Phòng

2.1.1/ Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng.

2.1.1.1/ Sơ lược về quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng.

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng ban đầu là Xí nghiệp hóa chất sơn dầu, được ủy ban nhân dân TP Hải Phòng quyết định thành lập ngày 25/01/1960 theo hình thức Công ty hợp doanh, bao gồm 7 nhà tư sản và tiểu tư sản, là một trong bảy thành viên của Sở Công nghiệp lúc bấy giờ, sản phẩm sơn gốc dầu là chủ yếu.

Từ năm 1965 đến 1975 trong điều kiện chiến tranh, hầu hết các doanh nghiệp phải sơ tán. Xí nghiệp Sơn chọn địa điểm xã Mỹ Cự thuộc huyện Thủy Nguyên để đưa máy móc thiết bị sơ tán, đồng thời phải huy động mọi nguồn nhân lực để duy trì sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Trong suốt 10 năm chiến tranh, lớp công nhân lao động của xí nghiệp đã lên đường làm nhiệm vụ giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Nhiều người đã cống hiến cả cuộc đời, một phần thân thể của mình ở nơi chiến trường. Số người ở lại đã phát huy được tinh thần tự lực, tự cường trong điều kiện vô cùng khó khăn, đoàn kết bám đất, bám xưởng. Các sản phẩm làm ra cũng góp phần phục vụ chiến đấu: Sơn các cầu phà, tàu thuyền, xà lan...

Từ năm 1976 đến 1989 sau khi thống nhất đất nước, cả nước đẩy mạnh sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh xây dựng đất nước. Ngoài số lao động hiện có, xí nghiệp còn tổ chức tiếp nhận hàng chục lao động đã hoàn thành nhiệm vụ trở về từ các chiến trường. Thực hiện chủ trương và chỉ đạo của thành phố về phát triển công nghiệp, ưu tiên sản phẩm phục vụ cho tiềm năng thế mạnh của thành phố. Chính vì vậy năm 1984 Công ty đã nghiên cứu và sản

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON HẢI PHÒNG

xuất thành công sản phẩm Sơn chống hà Bitum có thời hạn 12 tháng. Năm 1989 đổi tên Xí nghiệp thành Nhà máy Sơn Hải Phòng.

Từ năm 1990 với định hướng phát triển đúng đắn trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam, Công ty độc lập tự chủ trong sản xuất kinh doanh, khai thác nguồn vật tư đầu vào, tổ chức sản xuất và tìm nguồn tiêu thụ sản phẩm đầu ra. Sơn Hải Phòng đã có bước tiến nhảy vọt về công nghệ sản xuất và dịch vụ kỹ thuật. Công ty ký kết với viện giao thông và các nhà khoa học đầu ngành của Việt Nam nghiên cứu và sản xuất cho ra đời Sơn tàu biển gốc cao su clo hóa. Công ty là đơn vị đầu tiên của cả nước tổ chức sản xuất thành công Sơn tàu biển có độ bền từ 18 – 24 tháng.

Không dừng lại ở đó, Công ty Sơn còn tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm. Từ một loại sản phẩm đơn điệu nay đã có hàng chục sản phẩm Sơn gốc nhựa khác nhau đạt chất lượng cao phục vụ ngành kinh tế quan trọng như Giao thông Vận tải, Công nghiệp Xây dựng và Tàu biển. Đáp ứng nhu cầu thị trường về chất lượng sản phẩm, Công ty đã chọn đối tác đầu tư và chuyển giao công nghệ của hãng Chugoku Marine Paint Nhật Bản, một trong những hãng sơn hàng đầu thế giới. Công ty đã hợp tác chặt chẽ với hãng Chugoku được tham gia vào mạng lưới phân phối toàn cầu của hãng và từ năm 2000 Công ty bắt đầu có sản phẩm xuất khẩu đi nhiều nước trên thế giới. Công ty được Bộ Thương mại thưởng về thành tích xuất sắc.

Chặng đường 45 năm qua tuy có một nửa là thời gian chiến tranh và phục hồi sau chiến tranh, cùng với nó là sự chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường, nhưng với những kết quả đạt được Công ty đã được nhiều cơ quan đoàn thể, tổ chức biết tới và công nhận thành quả. Đó là nỗ lực không mệt mỏi của các thế hệ cán bộ công nhân viên toàn Công Ty.

2.1.1.2/ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty:

a. Văn phòng giao dịch và bán hàng.

- Trụ sở chính : Số 12 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng
- Tel : (0313)847003 – 843236 - 840512

- Fax : (0313)845180
- Website : www.sonhaiphong.com.vn
- Vốn điều lệ: 59.000.000.000 đồng
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh: Số 149/1H Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh
- Đại diện Hà Nội: Số 166C - Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội

b. Nhà máy sản xuất.

- Địa chỉ: Số 208 An Đông – An Dương – Hải Phòng
- Tel : (0313)835710 – 857001 – 571018
- Fax : (0313)571053

c. Ngành nghề kinh doanh.

- Sản xuất và kinh doanh sơn các loại (150 loại sản phẩm)
- Kinh doanh thiết bị, vật tư, hóa chất thông thường.
- Dịch vụ thương mại, dịch vụ xuất nhập khẩu và dịch vụ khác.

d. Phương thức tiêu thụ sản phẩm.

- Cung cấp trực tiếp
- Hệ thống chi nhánh, đại diện và các đại lý trong cả nước.

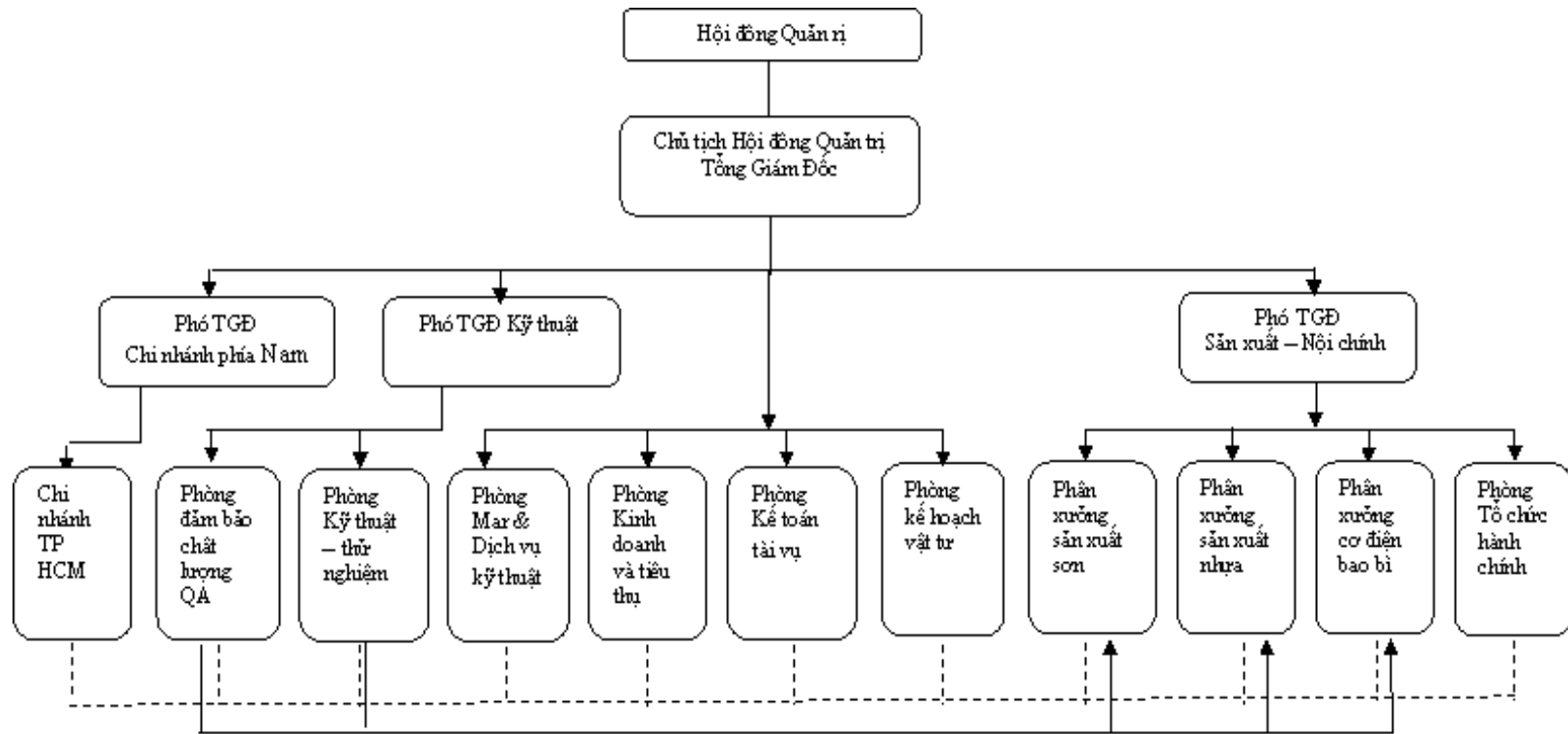
e. Đặc điểm sản xuất và dây chuyền công nghệ.

- Dây chuyền sản xuất hiện đại, đồng bộ, khép kín.
- Công nghệ sản xuất tiên tiến được chuyển giao từ Chugoku Marine Paint Nhật Bản.
- Công nghệ Sơn tĩnh điện được chuyển giao từ hãng ARSOSISI Italy
- Hệ thống quản lý tiên tiến đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000
- Phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 1702

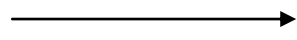
-

2.1.1.3/ Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

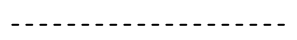
a) Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty



Ghi chú:



Mối quan hệ chỉ đạo tác nghiệp



Mối quan hệ thao chức năng giữa các đơn vị

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Ban lãnh đạo và Cán bộ chủ chốt trong Công ty.

- Tổng Giám đốc: Là người lãnh đạo cao nhất, điều hành mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh và các công tác khác theo đúng pháp luật của Nhà nước, có nhiệm vụ điều hành doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, giữ và bảo toàn vốn. Phụ trách trực tiếp phòng Marketing & Dịch vụ kỹ thuật, Phòng Kinh doanh và tiêu thụ, Phòng Kế toán tài vụ, Phòng Kế hoạch vật tư

- Phó TGD Sản xuất – Nội chính: Là người được Tổng Giám đốc ủy quyền giải quyết việc khi TGD đi vắng. Trực tiếp và điều hành sản xuất chính của Công ty, cân đối điều chỉnh lực lượng lao động, trực tiếp chỉ đạo các phân xưởng sản xuất Sơn, phân xưởng sản xuất Nhựa, và phân xưởng Cơ điện Bao bì.

- Phó TGD Kỹ thuật: trực tiếp chỉ đạo phòng Đảm bảo chất lượng QA, Phòng Kỹ thuật - thử nghiệm.

- Phó TGD chi nhánh TP HCM: Tham gia liên doanh VINASHIN, điều hành với VINASHIN

c). Trách nhiệm và quyền hạn của các phòng chức năng.

- Phòng Kế hoạch vật tư: Cung cấp thông tin về chất lượng, chủng loại, số lượng nguyên vật liệu được cung cấp, thời hạn giao hàng, các yếu kém của nhà cung cấp.

- Khi Ban lãnh đạo yêu cầu các bộ phận chức năng như: Kế hoạch vật tư, Kỹ thuật, Chất lượng, Thiết bị cơ điện, Marketing, Tiêu thụ lên kế hoạch năm cho đơn vị mình bám sát các yêu cầu chức năng thì Phòng Kế hoạch vật tư có nhiệm vụ cùng tập hợp các kết quả phân tích, kết quả đánh giá nội bộ để lập kế hoạch năm cho sản xuất kinh doanh của Công ty (Kế hoạch sửa chữa, bảo trì thiết bị, đào tạo nhân lực, đầu tư).

Phòng kế hoạch vật tư cũng có nhiệm vụ lập kế hoạch tháng dựa trên các yêu cầu và mong đợi của khách hàng, yêu cầu về quản lý quá trình, yêu cầu về đầu tư nguồn nhân lực, tài chính.

Phòng Kế hoạch vật tư có vai trò chỉ đạo trong triển khai kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

- Phòng Kỹ thuật - thử nghiệm & Phòng Đảm bảo chất lượng QA: có nhiệm vụ truy cập, theo dõi xử lý thông tin dữ liệu để chuẩn bị sản xuất, nghiên cứu, thiết kế sản phẩm, kiểm soát các quá trình sản xuất sản phẩm, các quá trình hỗ trợ, đổi mới công nghệ, sản phẩm cải tiến, theo dõi các hoạt động, khắc phục và phòng ngừa, đánh giá nội bộ, nghiên cứu phát triển, tiêu hao nguyên liệu, bảo quản lưu kho sản phẩm, kiểm soát trang thiết bị sản xuất, kiểm soát khâu kiểm tra thử nghiệm, giải quyết các vấn đề có liên quan đến chất lượng sản phẩm, các chế định của Nhà nước về hàng hóa sản phẩm và môi trường.

Bộ phận chế thử thuộc phòng Kỹ thuật và thử nghiệm gồm 10 kỹ sư chuyên ngành, chuyên nghiên cứu chế thử. Phòng thử nghiệm của Công ty đã và đang thực hiện ISO/IEC 17025 đảm bảo các giá trị chuẩn xác cho các nguyên liệu và sản phẩm sơn hiện đại nhất.

- Phòng Marketing & Dịch vụ kỹ thuật: Theo dõi, truy cập thông tin từ bên ngoài bao gồm: yêu cầu cụ thể từ khách hàng, các yêu cầu cung cấp dịch vụ, giá thành sản phẩm, các thông tin về đối thủ cạnh tranh (thu nhập các mẫu sản phẩm của đối thủ cạnh tranh về Công ty để phân tích), các ý kiến phản ánh, các yêu cầu về cải tiến chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, thời hạn giao hàng, lấy thông tin nội bộ sản phẩm từ tiêu thụ – kinh doanh.

Thực hiện các biện pháp, hình thức quảng cáo, tiếp thị sản phẩm Sơn của Công ty.

Quân số Phòng Marketing gồm có 10 thành viên, trong đó có 1 trưởng phòng và 1 phó phòng.

- Phòng Tổ chức hành chính: Là đơn vị tham mưu cho Ban Giám đốc về nhân sự, kế hoạch bố trí sắp xếp cán bộ, trả lương, khen thưởng, kỷ luật, điều động. Chịu trách nhiệm quản lý nhân sự trong cơ quan, thực hiện các nhiệm vụ bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nâng bậc công nhân, duy trì kỷ luật, nội quy cơ quan, quản lý đội xe và làm các công việc hành chính khác của Công ty.

Phòng này bao gồm 5 cán bộ nhân viên, trong đó có 1 trưởng phòng và 2 phó phòng.

- Phòng Tài chính kế toán: Nhiệm vụ theo dõi và thực hiện kế hoạch, cân đối hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm về tài chính của Công ty trong việc đầu tư, bảo toàn vốn và các nghĩa vụ với Nhà nước.

Ghi chép, phản ánh một cách chính xác kịp thời, liên tục và có hệ thống số liệu tình hình biến động về lao động, vật tư tiền vốn, tính toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, kết quả lỗ lãi theo đúng chế độ kế toán thống kê của Nhà nước.

Thu thập tập hợp số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phục vụ cho việc lập kế hoạch và kiểm tra thực hiện kế hoạch phục vụ công tác hạch toán kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế.

Lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

Theo dõi tình hình biến động tăng giảm tài sản, nguồn vốn, lên kế hoạch khai thác và sử dụng tài sản cũng như nguồn vốn một cách có hiệu quả.

Theo dõi toàn bộ các hoạt động liên quan tới doanh thu, chi phí, phân phối thu nhập trong Công ty và thực hiện nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước.

Quyết toán hàng năm và tổng hợp SXKD của Công ty.

Báo cáo tham mưu cho Tổng Giám đốc về mặt thống kê tài chính

Tham gia định giá, đấu thầu, nghiệm thu, thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế, đầu tư mua bán hàng hóa.

Triển khai thực hiện tốt nội dung công tác kế toán trong Công ty bao gồm:

- Kế toán Tài sản cố định
- Kế toán Nguyên vật liệu và Công cụ lao động
- Kế toán Tiền lương và các khoản trích theo lương
- Kế toán Tổng hợp chi phí và tính giá thành
- Kế toán Thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm
- Kế toán Vốn bằng tiền và các nhiệm vụ thanh toán

- Kế toán Lũ, lãi, phân phối lợi nhuận
- Kế toán các loại vốn, các loại quỹ của doanh nghiệp.

- Phòng kinh doanh và tiêu thụ: Cung cấp thông tin về số lượng sản phẩm tiêu thụ hàng tháng, hàng năm, số lượng sản phẩm không phù hợp, tồn kho. Tổ chức điều động các phương tiện vận chuyển sản phẩm đến các đại lý, các công trình, khu công nghiệp, xử lý các đơn đặt hàng của khách hàng.

Ngoài 7 phòng nghiệp vụ trên, Công ty còn có:

- Các phân xưởng sản xuất: Phân xưởng Sơn, Phân xưởng sản xuất Nhựa, Phân xưởng Cơ điện & Bao bì
- Trạm y tế trực thuộc phòng Tổ chức hành chính: gồm 2 y sĩ làm nhiệm vụ chăm lo, theo dõi sức khỏe của CBCNV, sơ cứu các tai nạn lao động.
- Nhà ăn phục vụ nấu ăn ca cho CBCNV trong Công ty, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm với chế độ dinh dưỡng đầy đủ.
- Tổ bảo vệ: trực thuộc phòng Tổ chức hành chính, là đơn vị có nhiệm vụ bảo vệ an ninh của Công ty 24/24, đảm bảo an toàn về tài sản và trật tự công cộng. Bao gồm 8 nhân viên, trong đó có 4 người đã gắn bó với Công ty suốt 40 năm qua

2.1.2/ Những vấn đề chung về công tác hạch toán kế toán tại công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng.

2.1.2.1/ Mô hình kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

Dựa vào tình hình và đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình, công ty cổ phần Sơn Hải Phòng đã tiến hành theo hình thức *kế toán tập trung*.

- Phân xưởng sản xuất là đơn vị trực thuộc nên không tổ chức kế toán riêng mà chỉ bố trí nhân viên thông kê thu nhận chứng từ, ghi chép đơn giản, cập nhập hàng ngày để chuyển về phòng kế toán của công ty.

- Bộ phận kho theo dõi nhập xuất vật tư, cuối mỗi tháng lập báo cáo tổng hợp chuyển về phòng kế toán.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào 31/12.

=> Doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ vậy

nên đòi hỏi kế toán phải có hệ thống và phương pháp sử dụng hình thức kế toán phù hợp. Mô hình kế toán tập trung là một hình thức phù hợp với quá trình hoạt động của công ty. Vì mô hình này đơn giản thuận tiện trong dự toán chi phí, dự toán thu nhập và kết quả của từng loại hàng hóa, dịch vụ. Từ đó theo dõi, kiểm tra suốt quá trình chi phí sản xuất, mua bán hàng hóa – dịch vụ để đáp ứng yêu cầu quản lý cụ thể của doanh nghiệp một cách hiệu quả, chính xác, kịp thời và tiện lợi.

2.1.2.2/ Hệ thống sổ sách kế toán.

Tổ chức hệ thống sổ kế toán tổng hợp và chi tiết để xử lý thông tin từ các chứng từ kế toán nhằm phục vụ cho việc xác lập các báo cáo tài chính và quản trị cũng như phục vụ cho việc kiểm tra, kiểm soát từng loại TS – từng loại nguồn vốn cũng như từng quá trình hoạt động của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các chức năng của kế toán. Dựa vào đặc điểm và quy mô hoạt động của mình, doanh nghiệp đã lựa chọn hình thức *Chứng từ ghi sổ*.

a) Trình tự ghi sổ kế toán

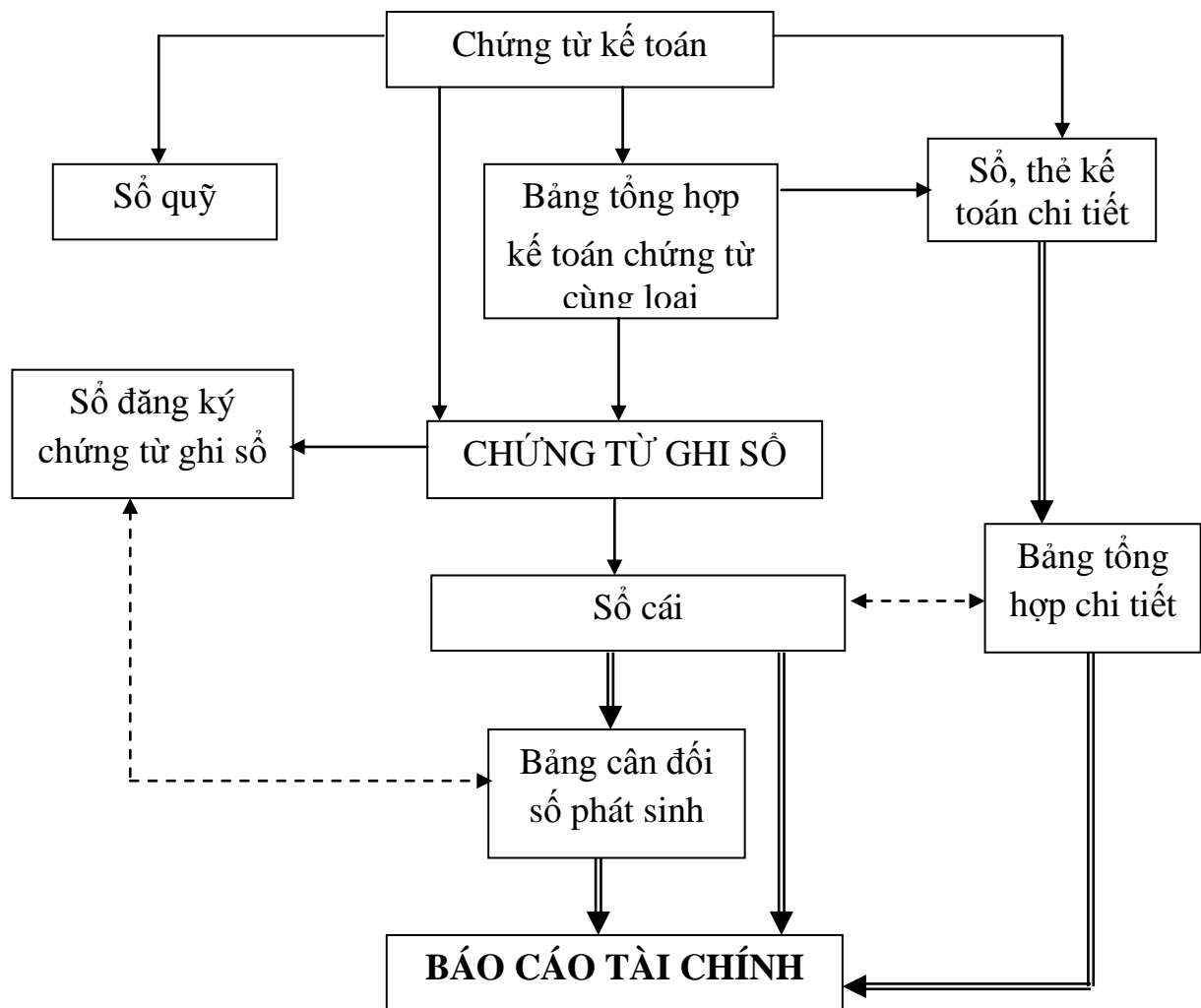
- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng phải khóa sổ, tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

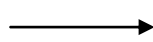
- Sau khi đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

=> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số ghi Nợ và tổng số ghi Có của các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết.

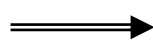
b) Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



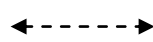
Ghi chú



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng

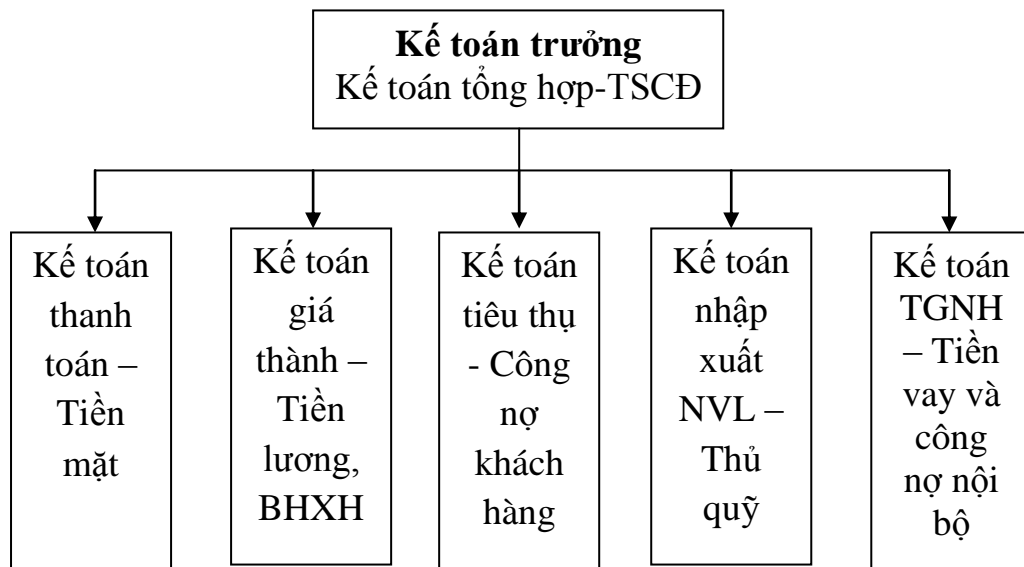


Kiểm tra đối chiếu số

...

2.1.2.3/ Tổ chức bộ máy kế toán công ty.

a) Sơ đồ bộ máy kế toán.



b) Tổ chức hạch toán.

- Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm về hoạt động tài chính của Công ty, cũng như hoạt động của phòng Tài chính kế toán. Kế toán trưởng đồng thời kiêm nhiệm công việc kế toán Tài sản cố định quản lý toàn bộ tài sản cố định của Công ty.

- Kế toán thanh toán – tiền mặt: Hạch toán, theo dõi các khoản thanh toán; tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền mặt tại Công ty.

- Kế toán giá thành – tiền lương, BHXH: Chịu trách nhiệm phản ánh giá thành sản xuất sản phẩm, hàng hoá của Công ty. Đồng thời kiêm nhiệm việc kế toán tiền lương và BHXH cho Cán bộ, Công nhân toàn Công ty.

- Kế toán tiêu thụ – Công nợ khách hàng: Phản ánh doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá của Công ty. Đồng thời phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của Công ty với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hoá.

- Kế toán NVL – Thủ quỹ: Phản ánh giá trị hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của các loại NVL trong kho của Công ty. Đồng thời kiêm vai trò của Thủ quỹ, quản lý tiền mặt tại Công ty.

- Kế toán TGNH – Tiền vay và Công nợ nội bộ: Phản ánh biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng, các khoản tiền vay và công nợ nội bộ.

2.2/ Thực tế tổ chức kế toán TSCĐ tại công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng.

2.2.1/ Đặc điểm, tình hình quản lý và sử dụng TSCĐ tại công ty.

2.2.1.1/ Đặc điểm TSCĐ của công ty.

Được thành lập cách đây 45 năm với số lao động 31 người, trang thiết bị thủ công, sản phẩm chủ yếu là sơn gốc dầu. Đến nay công ty có trên 50 chủng loại sơn khác nhau phục vụ cho các ngành nghề quan trọng như: Giao thông vận tải, xây dựng, công trình biển... Thành tựu đó xuất phát từ định hướng phát triển đúng đắn trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam và sự tập trung trí tuệ, phát huy mọi nguồn lực do ban lãnh đạo công ty khởi xướng. Công ty CP Sơn HP đã có những bước nhảy vọt về công nghệ sản xuất và dịch vụ kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu khách hàng và nhịp độ phát triển kinh tế đất nước.

Nhờ có sự quan tâm đổi mới, đầu tư trang thiết bị máy móc công nghệ hiện đại nên công ty đã từng bước phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm và được Đảng, nhà nước tặng nhiều danh hiệu cao quý.

Một số TSCĐ quan trọng mà công ty đã đầu tư trong giai đoạn vừa qua.

- Năm 1994: Công ty đã vay vốn SIDA đầu tư dây chuyền sản xuất nhựa Alkyd của nước CHLB Đức. Dây chuyền đưa vào sản xuất đã đáp ứng được trên 60% cho việc thay đổi quy trình công nghệ, chuyển hẳn sang sản phẩm sơn gốc nhựa Alkyd. Lúc này sản phẩm đã có những loại sơn phục vụ cho vận tải biển có chu kỳ lên tới 2 năm.

- Để đáp ứng như cầu thị trường về chất lượng sản phẩm công ty đã lựa chọn phương án đi tắt đón đầu, chọn đối tác đầu tư và chuyển giao công nghệ của hãng Chugocu Marine paint – Một trong những hãng sơn hàng đầu thế giới. Từ đây với tiềm năng.

= > Quản lý TSCĐ chặt chẽ, hợp lý, có hiệu quả nhằm thu hồi vốn nhanh, giảm chi phí, tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm là mục tiêu hàng đầu của công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng. Để làm được điều này công ty phải có biện pháp hữu hiệu trong công tác quản lý mà trước hết là công tác hạch toán TSCĐ.

2.2.1.2 Phân loại TSCĐ của công ty.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán kế toán TSCĐ, công ty Sơn Hải Phòng thực hiện phân loại TSCĐ của công ty theo các tiêu thức sau:

a) Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện:

- TSCĐ hữu hình: Là những TSCĐ có hình thái vật chất cụ thể, khi tham gia vào quá trình sản xuất thì vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu, còn về mặt giá trị bị hao mòn dần, phần giá trị hao mòn đó được tính vào giá trị sản phẩm mới tạo ra.

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

Một số TSCĐ hữu hình của công ty đến 31/12/2009:

STT	Tên TSCĐ	Nguyên giá 01/01/2009	Khấu hao 2009	Giá trị còn lại 31/12/2009
A	Nhà cửa – vật kiến trúc	27.504.793.866	1.635.876.367	22.694.191.704
1	Đường nội bộ LT	78.518.645	10.625.386	10.625.386
2	Nhà làm việc 2 tầng LT	474.483.527	30.194.406	150.972.031
....
B	Máy móc thiết bị	37.591.411.156	1.445.167.574	25.386.984.288
1	Máy đột dập 40 tấn	12.800.000	823.200	823.200
2	Hệ thống xử lý	283.258.132	11.694.474	266.159.239

C	Phương tiện vận tải	5.423.899.738	822.342.902	2.208.770.574
1	Xe nâng hàng	60.000.000	3.150.000	6.300.000
2	Xe nâng 2,5 tấn	222.334.000	39.005.965	174.064.188

D	Dụng cụ quản lý	4.295.214.309	308.377.107	774.110.661
1	Hệ thống cảnh báo	68.231.469	12.963.985	12.963.985
2	Hệ thống báo cháy	117.376.365	23.475.273	23.475.273

	Tổng	75.544.787.525	4.245.227.724	51.060.739.277

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

• TSCĐ vô hình: Là những tài sản không có hình thái vật chất cụ thể, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh của công ty.

Một số TSCĐ vô hình của công ty đến 31/12/2009:

STT	Tên TSCĐ	Nguyên giá 31/12/2009	Khấu hao 2009	Giá trị còn lại 31/12/2009
1	Chi phí ISO	258.368.500	23.156.200	23.156.200
2	Phần mềm kế toán	126.812.000	10.250.213	10.250.213

b) Phân loại TSCĐ theo hình thức sử dụng:

+ TSCĐ đang sử dụng: Là những TSCĐ doanh nghiệp đang sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc các hoạt động phúc lợi hay an ninh quốc phòng của doanh nghiệp.

Một số TSCĐ đang sử dụng tại công ty đến ngày 31/12/2009:

STT	Tên TSCĐ	Nguyên giá 31/12/2009	Khấu hao 2009	Giá trị còn lại 31/12/2009
I	Đang sử dụng	7.447.068.678	495.315.361	2.781.855.725
1	Nhà kho B6 mới	37.444.044	6.240.674	12.481.348
2	Nhà kho B10 mới	49.328.733	8.221.462	16.442.925
3	Kho nguyên liệu	167.726.832	33.079.459	66.158.917
4	Nhà kho	299.763.259	42.823.323	171.293.291
5			
	Tổng	74.803.814.191	4.245.227.724	51.060.739.277

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

- TSCĐ chưa dùng: Là những TSCĐ cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh hay các hoạt động khác của doanh nghiệp song hiện tại chưa cần dùng đang được dự trữ để sau này sử dụng.

TSCĐ chưa dùng, để dự trữ gần như không có. Nếu có chỉ là dự trữ trong vài ngày để chờ lắp đặt đưa vào sử dụng.

- TSCĐ không dùng, xin thanh lý: Là những TSCĐ không cần thiết hay không phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cần được thanh lý nhượng bán để thu hồi vốn đầu tư ban đầu đã bỏ ra.

Một số TSCĐ không dùng, xin thanh lý của công ty đến ngày 31/12/2009:

STT	Tên TSCĐ	Nguyên giá 31/12/2009
1	Nhà WC khu sản xuất	32.901.000
2	Nhà thí nghiệm Lạch Tray	31.500.000
3	Nhà thường trực	24.500.000
4	Trang bị thí nghiệm	123.023.400
5	Máy tính phòng kĩ thuật	17.686.000
6	Máy điều hòa	21.154.000
7	
	Tổng	744.291.334

c) Phân loại TSCĐ theo mục đích sử dụng:

- TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh: Là những TSCĐ đang sử dụng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những tài sản này cũng được trích và tính khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

STT	Tên TSCĐ	Nguyên giá 31/12/2009	Khấu hao 2009	Giá trị còn lại 31/12/2009
1	Nhà cửa – vật kiến trúc	27.504.793.866	1.635.876.367	22.694.191.704
2	Máy móc thiết bị	37.591.411.156	1.445.167.574	25.386.984.288
3	Phương tiện vận tải	5.423.899.738	822.342.902	2.208.770.574
4	Dụng cụ quản lý	4.295.214.309	308.377.107	774.110.661
5			
	Tổng	75.544.787.525	4.245.227.724	51.060.739.277

- TSCĐ phúc lợi: Là những TSCĐ dùng để phục vụ đời sống vật chất hay tinh thần của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp (nhà trẻ, câu lạc bộ, sân bóng, ...). Những TSCĐ này thường được mua sắm bằng quỹ phúc lợi của doanh nghiệp. Do vậy giá trị khấu hao thường ghi giảm nguồn vốn hình thành mà không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

STT	Tên TSCĐ	Nguyên giá 31/12/2009	Khấu hao 2009	Giá trị còn lại 31/12/2009
1	TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi của DN (Sân tennis)	344.287.956	68.857.592	

2.2.1.3/ Đánh giá TSCĐ của công ty.

Để biết được năng lực sản xuất của TSCĐ, tính khấu hao và phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐ, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải đánh giá TSCĐ.

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN
HẢI PHÒNG**

Tại công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, TSCĐ được đánh giá theo nguyên giá.

- Đối với TSCĐ tăng do mua sắm: (kể cả mua mới và cũ) là giá mua thực tế phải cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào tình trạng sẵn sàng sử dụng như: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí nâng cấp, chi phí lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ, chi phí khác có liên quan ... trừ (-) các khoản chiết khấu mua hàng (nếu có).

- Đối với TSCĐ hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu: TSCĐ hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình theo qui định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng, căn cứ thời gian sử dụng ước tính của TSCĐ phù hợp với quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính, cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Năm khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	8 – 12
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

2.2.2/ Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại công ty.

2.2.2.1/ Kế toán chi tiết TSCĐ.

a) Kế toán chi tiết tăng TSCĐ.

Trong năm 2009 thì TSCĐ của công ty cổ phần sơn Hải Phòng tăng chủ yếu là do mua sắm mới.

Đối với TSCĐ tăng do mua sắm thì thủ tục bao gồm: Hợp đồng kinh tế giữa bên bán và bên mua TSCĐ, hoá đơn GTGT (liên đỏ), Phiếu nhập kho, Biên bản giao nhận TSCĐ, ...

Dưới đây là một số chứng từ về trường hợp tăng TSCĐ do mua sắm:

Trích số liệu tháng 7 năm 2009: Công ty tiến hành mua sắm “Hệ thống xử lý nước thải” của công ty TNHH Mai Duyên

Hoá đơn GTGT: Khi mua sắm TSCĐ là hệ thống xử lý nước thải thì công ty TNHH Mai Duyên sẽ giao cho công ty Sơn Hải Phòng tờ hoá đơn GTGT số 0054138.

Mẫu số: 01 GTKT - 3LL
LT/ 2009B
0054138

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 15 tháng 7 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Mai Duyên

Địa chỉ: 54 Lê Thánh Tông - HP

Số tài khoản:

Điện thoại:

MS: 0200532145

Họ tên người mua hàng: Phạm văn Đức

Tên đơn vị: Cty Sơn HP

Địa chỉ: 12 Lạch Tray -HP

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng
tiền mặt

MS: 0200575580

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
	Hệ thống xử lý nước thải		1		216.230.648
	Cộng tiền hàng				216.230.648
	Tiền thuế GTGT				21.623.064
Tổng thanh toán					237.853.713

Số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi bảy triệu tám trăm lăm mươi ba nghìn bảy trăm mười ba đồng.

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu ghi rõ họ
tên)

Biên bản giao nhận TSCĐ: Tất cả hoá đơn GTGT số 0054138 tạo thành tập hồ sơ kế toán ban đầu liên quan đến việc mua sắm TSCĐ đưa vào sử dụng. Khi bàn giao TSCĐ cho bộ phận quản lý phân xưởng, công ty thành lập một ban giao nhận TSCĐ. Ban này có trách nhiệm xác định nguyên giá TSCĐ và lập “Biên bản giao nhận TSCĐ”.

Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc TSCĐ như biên bản giao nhận, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho ... kế toán lập thẻ TSCĐ được mở cho từng TSCĐ, trên cơ sở đó kế toán tiến hành vào sổ chi tiết TSCĐ. Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết TSCĐ kế toán tiến hành lập sổ tổng hợp tăng giảm TSCĐ và đưa ra các báo cáo kế toán.

Cụ thể “Biên bản giao nhận TSCĐ” về việc đưa hệ thống sử lý nước thải phục vụ bộ phận quản lý phân xưởng được lập như sau:

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

**Đơn vị : Cty Cổ phần Sơn Hải
Phòng
Địa chỉ : 12 Lạch Tray, Hải Phòng**

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)

BIÊN BẢN GIAO NHẬN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 15 tháng 07 năm 2009

Số: BB02

Căn cứ vào QĐ số 50/CVTB ngày 15 tháng 07 năm 2009 của công ty TNHH
VTTM Tuấn Thành về việc bàn giao TSCĐ: Mua hệ thống xử lý nước thải

- Ông (bà): Nguyễn Văn Viện

Chức vụ: Giám đốc

(làm đại diện cho bên giao TSCĐ)

- Ông (bà): Bùi Kim Ngọc

Chức vụ: Kế toán trưởng

(làm đại diện cho bên nhận TSCĐ)

- Ông (bà): Trịnh Thu Hà

Chức vụ: Đội trưởng

(làm đại diện cho bên nhận TSCĐ)

Địa điểm giao nhận TSCĐ: công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Xác nhận về việc giao nhận như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

S T T	Tên, ký hiệu TSCĐ	SH TS CĐ	Nước SX	Năm SX	Năm đưa vào SD	Côn g suất	Tính nguyên giá TSCĐ			
							Giá mua	Chi phí VC	.	Nguyên giá
1	hệ thống xử lý nước thải		Nhật	2008	2009		216.230			216.230
	Cộng						216.230			216.230

**Giám đốc bên
nhận**

**Kế toán trưởng
bên nhận**

Người nhận

Người giao

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN
HẢI PHÒNG**

**Đơn vị : Cty Cổ phần Sơn
Hải Phòng**
Địa chỉ : 12 Lạch Tray, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số : 0021

Ngày 18 tháng 7 năm 2009

Căn cứ biên bản giao nhận tài sản số định số BB20 ngày 18 tháng 7 năm 2009

Tên, quy cách TSCĐ : Hệ thống xử lý nước thải

Nước sản xuất: Nhật, năm sản xuất 2008

Bộ phận quản lý sử dụng: Bộ phận quản lý phân xưởng.

Công suất (diện tích) thiết kế

Đình chỉ sử dụng ngày ...tháng ... năm ...

Lý do đình chỉ.....

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
	31/07	Mua TSCĐ	216.230.648			

Phụ tùng kèm theo:

Số TT	Tên, quy cách phụ tùng, dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị

Ghi giảm TSCĐ, chứng từ số ngàytháng....năm....

Lý do ghi giảm:.....

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đơn vị: Cty Cổ phần Sơn Hải Phòng
Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng.

Mẫu số S02c1 - DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm :2009

Loại tài sản: Hệ thống xử lý nước thải

STT	Chứng từ		Ghi tăng TSCĐ					Khấu hao TSCĐ			Giảm TSCĐ		
	SH	NT	Tên, đặc điểm, kí hiệu	Nước sản xuất	Tháng đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Số đã tính KH đến khi ghi giảm	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
								Tỷ lệ	Mức KH năm		SH	NT	
1		31/07	Hệ thống xử lý	Nhật	7/2009		216.230.648	0.1	8	11.694.474			
Cộng							216.230.648						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

b. Kế toán chi tiết giảm TSCĐ.

- TSCĐ giảm do thanh lý.

Ngày 28/9/2009 công ty tiến hành thanh lý xe Toyota CAMRY nguyên giá 1.250.000.000. Biên bản thanh lý xe được lập như sau:

Đơn vị : Cty Cổ phần Sơn Hải Phòng
Địa chỉ : 12 Lạch Tray, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 28/12/2009

Số:221

Nợ:214,811

Có:211

Căn cứ Quyết định số 221 ngày 28/12/2009 của công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng về việc thanh lý tài sản cố định.

1. Ban thanh lý gồm có:

-Ông: Nguyễn Văn Viện	Chức vụ: Giám đốc	Đại diện bên giao TSCĐ
-Bà: Bùi Kim Ngọc	Chức vụ: KT trưởng	Đại diện bên nhận TSCĐ
-Bà: Tạ Thúy Ngọc	Chức vụ: Trưởng phòng	Đại diện bên nhận TSCĐ

2. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên tài sản cố định: xe TOYOTA CAMRY
- Số hiệu TSCĐ:
- Nước sản xuất: Nhật bản
- Năm đưa vào sử dụng: 2003
- Nguyên giá TSCĐ: 1.250.000.000
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 800.000.000
- Giá trị còn lại: 450.000.000

3. Kết luận của ban thanh lý:

Tài sản cố định đã cũ, đủ điều kiện để thanh lý.

Ngày 28 tháng 12 năm 2009

Trưởng ban thanh lý

(ký, họ tên)

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

Đơn vị : Cty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT

Địa chỉ : 12 Lạch Tray, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số : 0021

Ngày 28 tháng 12 năm 2009

Căn cứ biên bản giao nhận tài sản số định số 221 ngày 28 tháng 12 năm 2009

Tên, quy cách TSCĐ : xe TOYOTA CAMRY

Nước sản xuất: Nhật, năm sản xuất 2002

Bộ phận quản lý sử dụng: Bộ phận Văn phòng, năm đưa vào sử dụng:2003

Công suất (diện tích) thiết kế

Đình chỉ sử dụng ngày ...tháng ... năm ...

Lý do đình chỉ.....

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
	28/12	Thanh lý TSCĐ	1.250.000.000	2009	800.000.000	

Phụ tùng kèm theo:

Số TT	Tên, quy cách phụ tùng, dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị

Ghi giảm TSCĐ, chứng từ số ngàytháng....năm....

Lý do ghi giảm:.....

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đơn vị: Cty Cổ phần Sơn Hải Phòng
Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng.

Mẫu số S02c1 - DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm :2009

Loại tài sản: Phương tiện vận tải

STT	Chứng từ		Ghi tăng TSCĐ					Khấu hao TSCĐ			Giảm TSCĐ		
	SH	NT	Tên, đặc điểm, kí hệ	Nước sản xuất	Tháng đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Số đã tính KH đến khi ghi giảm	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
								Tỷ lệ	Mức KH năm		SH	NT	
1	217	28/12	Xe Toyota CAMRY	Nhật	2003		1.250.000.000	0.1	10	800.000.000			thanh lý
Cộng							1.250.000.000			800.000.000			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN
HẢI PHÒNG**

- *TSCĐ giảm do nhượng bán:*

Ngày 30/8/2009 công ty cổ phần Sơn Hải Phòng tiến hành nhượng bán xe nâng hàng 2,5 tấn. Công ty thành lập hội đồng định giá TSCĐ, trên cơ sở kiểm tra, thẩm định dựa vào hồ sơ kỹ thuật và tình trạng thực tế của TSCĐ, hội đồng định giá xác định:

- TSCĐ: Xe nâng hàng 2,5 tấn
- Nguyên giá: 222.334.000 đ
- Giá trị hao mòn: 88.933.600 đ
- Giá trị còn lại: 133.400.400 đ
- Giá bán thực tế (Có thuế 10%): 165.000.000 đ

Căn cứ vào hóa đơn nhượng bán TSCĐ kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi về nhượng bán như sau:

Đơn vị : Cty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Mẫu số: 01 – TT

Địa chỉ : 12 Lạch Tray, Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)*

PHIẾU THU

Số: 92

Ngày 30 tháng 8 năm 2009

Nợ:

Có:

Họ và tên người nộp tiền: (HP 140)- Đỗ Hoài Nam

Địa chỉ: Kỳ nộp Cty TNHH Chi Mai

Lý do nộp: Mua xe nâng hàng 2,5 tấn

Số tiền: 165.000.000vnd (Viết bằng chữ): Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng

Kèm theo: 02 Chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2009

Giám đốc

**Kế toán
trưởng**

**Người lập
phiếu**

Thủ quỹ

**Người nộp
tiền**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

Kế toán căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, và các biên bản của hội đồng
thẩm định để ghi giảm TSCĐ trong sổ TSCĐ tương tự như trường hợp thanh lý
TSCĐ.

Đơn vị : Cty Cổ phần Sơn Hải **Mẫu số: 02 – TT**
Phòng
Địa chỉ : 12 Lạch Tray, Hải Phòng *(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)*

PHIẾU CHI

CT:12/218

Ngày 30 tháng 8 năm 2009

Nợ:
Có:

Họ và tên người nhận tiền: Phan Thị Thanh

Địa chỉ: Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng

Lý do chi: Chi bán xe nâng hàng 2,5 tấn

Số tiền: 2.000.000 (Viết bằng chữ): Hai triệu đồng chẵn

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký tên, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Hai triệu đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá, quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Đơn vị: Cty Cổ phần Sơn Hải Phòng
Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng.

Mẫu số S02c1 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ - BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm :2009

Loại tài sản: Phương tiện vận tải

STT	Chứng từ		Ghi tăng TSCĐ					Khấu hao TSCĐ			Giảm TSCĐ		
	SH	NT	Tên, đặc điểm, kí hiệu	Nước sản xuất	Tháng đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Số đã tính KH đến khi ghi giảm	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
								Tỷ lệ	Mức KH năm		SH	NT	
1	41	30/8	Xe nâng hàng 2.5 tấn	Nhật	2007		222.334.000	5	44.466.800	88.933.600			Nhượng bán
Cộng													

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN
HẢI PHÒNG**

2.2.2.2/ Kế toán tổng hợp TSCĐ

a) Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ.

Hàng tháng trong quý căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ (Biên bản tăng TSCĐ) và các chứng từ liên quan đến tăng TSCĐ kế toán tiến hành ghi sổ. Công ty không lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ mà khi phát sinh nghiệp vụ thì từ những Chứng từ kế toán ban đầu ghi vào Chứng từ ghi sổ. Và từ chứng từ ghi sổ ghi trực tiếp vào Sổ cái các tài khoản tương ứng. Cụ thể như sau:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0054138 ngày 15/7/2009 : Phiếu nhập kho số 96; Phiếu xuất kho số 191; Biên bản giao nhận TSCĐ số 02 và Thẻ kho TSCĐ số 21 cùng giấy báo Nợ ngân hàng về việc mua hệ thống xử lý nước thải số tiền: 237.853.713 đ, Nguyên giá được xác định là: 216.230.648 đ; thuế GTGT:21.623.064 đ; Kế toán tiến hành ghi vào Chứng từ ghi sổ để làm căn cứ ghi vào sổ cái:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Sơn HP

Mẫu số S02a - DN

**Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray, Lê Chân, Hải
Phòng**

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:53

Ngày 20 tháng 7 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Mua hệ thống xử lý nước thải	211		216.230.648	
	133		21.623.064	
		112	237.853.713	
Cộng				

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 15/
2006/ QĐ - BTC*

Sinh viên: Đỗ Thị Lan - Lớp: QT 1001K

74

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng.

*ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)*

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tên tài khoản: Tài sản cố định hữu hình

Số hiệu: 211

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đổi ứng	Số tiền		G h i c h ú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ		<u>48.349.593.438</u>		
						
20/7	53	20/7	Mua hệ thống xử lý nước thải	112	216.230.648		
						
			Cộng phát sinh		43.105.277.535	16.295.263.948	
			Số dư cuối năm		<u>75.195.607.025</u>		

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN
HẢI PHÒNG**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng.

*(Ban hành theo QĐ số 15/
2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)*

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tên tài khoản: Thuế GTGT được khấu trừ

Số hiệu: 133

Ngày tháng g ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đôi ứng	Số tiền		G h i c h ú
	Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ				
						
20/7	53	20/7	Mua hệ thống xử lý nước thải	112	21.623.064		
						
			Cộng phát sinh		5.098.888.837	6.139.020.911	
			Số dư cuối kỳ				

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN
HẢI PHÒNG**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng.

*(Ban hành theo QĐ số 15/
2006/ QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)*

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ		<u>10.274.149.087</u>		
						
20/7	53	20/7	Mua hệ thống xử lý nước thải	133 211	21.623.064 216.230.648		
						
			Cộng phát sinh		367.093.767.631	369.116.860.635	
			Số dư cuối kỳ		<u>8.251.056.083</u>		

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

b). Kế toán tổng hợp giảm TSCĐ.

Hàng tháng căn cứ vào các biên bản như Biên bản thanh lý TSCĐ, phiếu thu, phiếu chi, và các chứng từ liên quan đến giảm TSCĐ kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ. Từ đó làm cơ sở ghi các sổ cái tương ứng:

Căn cứ vào Biên bản thanh lý TSCĐ số 221 ngày 28/12/2009 về việc thanh lý xe Toyota CAMRY nguyên giá là:1.200.000.000đ đã khấu hao:800.000.000 đ.

Căn cứ Biên bản nhượng bán TSCĐ số 11 ngày 30/8/2009 về việc nhượng bán xe nâng hàng 2,5 tấn nguyên giá 222.334.000, đã khấu hao hết 88.933.600đ và phiếu thu, phiếu chi về nhượng bán TSCĐ.

= > Kế toán lập chứng từ ghi sổ cho nghiệp vụ thanh lý TSCĐ và nghiệp vụ nhượng bán TSCĐ và ghi vào các sổ cái sau:

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN
HẢI PHÒNG**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng.

*(Ban hành theo QĐ số 15/
2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)*

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tên tài khoản: Tài sản cố định hữu hình

Số hiệu: 211

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ		<u>48.349.593.438</u>		
						
28/12	217	28/12	Thanh lý xe Toyota	811 214		800.000.000 450.000.000	
						
			Cộng phát sinh		43.105.277.535	16.295.263.948	
			Số dư cuối năm		<u>75.195.607.025</u>		

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN
HẢI PHÒNG**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng.

*(Ban hành theo QĐ số 15/
2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)*

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: 111

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đôi ứng	Số tiền		G h i c h ú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ			<u>1.152.927.585</u>	
						
			- chi phí nhượng bán xe nâng hàng 2,5 tấn	811			
			- số thu nhượng bán xe nâng hàng 2,5 tấn	711			2.000.000
			- thuế GTGT	333	150.000.000		
				1	15.000.000		
						
			chi phí thanh lý xe Toyota CAMRY	811	1.000.000		
						
			Cộng phát sinh		213521168242	241475826852	
			Số dư cuối năm			<u>198.268.915</u>	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

2.2.2.3/ Kế toán khấu hao TSCĐ.

a) Tính và phân bổ khấu hao.

Vì TSCĐ được đầu tư, mua sắm để sử dụng nên TSCĐ được hiểu như một lượng hữu dụng được phân phối cho các hoạt động của doanh nghiệp trong suốt thời gian hữu ích của tài sản đó. Việc phân phối này được thực hiện dưới hình thức trích khấu hao TSCĐ. Như vậy thực chất trích khấu hao TSCĐ là việc phân chia có hệ thống giá trị cần khấu hao của TSCĐ trong suốt thời gian sử dụng ước tính.

Xét theo khía cạnh chi phí, khấu hao TSCĐ là sự biểu hiện bằng tiền phần giá trị hao mòn TSCĐ và chúng được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Để xác định giá trị hao mòn của TSCĐ tính vào chi phí sản xuất kinh doanh một cách chính xác thì hàng tháng công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng tiến hành trích khấu hao TSCĐ. Việc trích khấu hao TSCĐ của công ty năm 2009 vẫn áp dụng theo quyết định 206/QĐ/BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ tài chính. Theo quyết định này thì công ty tiến hành trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Theo phương pháp này thì TSCĐ tăng tháng này thì tháng sau mới tính khấu hao, TSCĐ giảm tháng này tháng sau mới thôi không tính khấu hao nữa. Những TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh thì không được trích và tính khấu hao nữa.

Kế toán căn cứ vào nguyên giá TSCĐ và thời gian sử dụng để xác định mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Mức khấu hao} & = & \text{Nguyên giá} & \times & \text{Tỷ lệ khấu hao} \\ \text{(năm)} & & \text{TSCĐ} & & \text{(năm)} \end{array}$$

Trong đó tỷ lệ khấu hao (năm):

$$\text{Tỷ lệ khấu hao} = \frac{1}{\text{Số năm sử dụng hữu ích của tài sản}}$$

$$\text{Mức khấu hao năm} = \text{Nguyên giá} \times \text{Tỷ lệ khấu hao (năm)}$$

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{\text{Mức khấu hao năm}}{12}$$

Cụ thể: Mức trích khấu hao hàng năm, hàng tháng của TSCĐ ở công ty trong tháng 7 về việc mua hệ thống xử lý nước thải như sau:

$$\begin{aligned} \text{Mức khấu hao hàng năm của} &= \frac{216.230.648}{8} = 27.028.831 \\ \text{hệ thống xử lý nước thải} & \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Mức khấu hao hàng tháng} &= \frac{27.028.831}{12} = 2.252.402 \\ \text{của hệ thống xử lý nước thải} & \end{aligned}$$

b). Kế toán khấu hao TSCĐ

Đề hạch toán tình hình tăng, giảm, hao mòn TSCĐ kế toán sử dụng TK 2141 (Hao mòn TSCĐ hữu hình) và TK 2143 (Hao mòn TSCĐ vô hình).

Bảng chi tiết trích khấu hao TSCĐ được kế toán lập bằng tay và được xem như là sổ chi tiết TSCĐ về mặt số liệu (kế toán tại công ty không lập sổ này). Sau đó, kế toán dựa vào bảng này để nhập dữ liệu vào máy, khi có yêu cầu thì in ra Sổ cái TK 214.

Sau đây là trích số liệu TSCĐ công ty đến 31/12/2009:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

STT	TSCĐ	Năm SD	SL	1/1/2009	Tăng 2009	Giảm 2009	NG 31/12/09	GTCL 31/12/08	Khấu hao 2009	GTCL 31/12/09
A	Nhà cửa-Vật kiến trúc			14,519,688,689	14,927,108,079	1,331,202,671	27,504,793,866	9,444,309,316	1,635,876,367	22,694,191,704
1	Nhà làm việc 2 tầng LT	1991	581	474,483,527			474,483,527	181,166,438	30,194,406	150,972,031
2	Nhà kho thành phẩm	1983	288	92,299,392			92,299,392			
3	Đường nội bộ LT	1983	300	78518645			78518645	10625386	10625386	

B	Máy móc thiết bị			24,233,443,007	13,870,307,249	512,339,100	37,591,411,156	13,474,183,713	1,445,167,574	25,386,984,288
1	Máy đột dập 40 tấn	1989	1	12,800,000			12,800,000			
2	Hệ thống xử lý	2009	8		237,853,713				11,694,474	266,159,239

C	Phương tiện vận tải			5,040,697,643	383,202,095		5,423,899,738	2,656,570,531	822,342,902	2,208,770,574
1	Xe ô tô du lịch MADZA 16K	1998	1	208,539,900			208,539,900			
2	Xe nâng Nissan 3,5 tấn	1998	1	119,956,500			119,956,500			
...

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

D	Dụng cụ quản lý			4,211,476,143	83,738,166		4,295,214,309	998,749,601	308,377,107	774,110,661
1	Máy phto Ricott 5632	T12/2002	2	36,655,000			39,655,000			
2	Bồn hao cây cảnh	2009	5		121,300,950				13,534,041	107,776,904
.....
E	TSCD vô hình			385,180,500			385,180,500	33,463,774	33,463,774	

F	TS hình thành từ QPL			344,287,956			344,287,956			

	Tổng			48,734,773,983	29,264,355,588	1,942,002,902	75,544,787,525	26,607,276,935	4,245,227,724	51,060,739,277

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN
HẢI PHÒNG**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng.

*(Ban hành theo QĐ số 15/
2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)*

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tên tài khoản: Hao mòn tài sản cố định

Số hiệu: 214

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đổi ứng	Số tiền		G h i c h ú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ			<u>22.127.497.003</u>	
						
28/12	217	28/12	Thanh lý xe Toyota	211	450.000.000		
						
			Cộng phát sinh		1942002902	4298554198	
			Số dư cuối năm			<u>24.484.048.299</u>	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

2.2.2.4/ Kế toán sửa chữa TSCĐ.

a) Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ.

Trong quá trình sử dụng TSCĐ bị hao mòn và hư hỏng từng bộ phận. Để đảm bảo cho TSCĐ hoạt động bình thường trong suốt thời gian sử dụng, công ty phải tiến hành thường xuyên việc bảo dưỡng và sửa chữa TSCĐ bị hư hỏng.

Tại công ty Sơn Hải Phòng việc sửa chữa TSCĐ luôn luôn được công ty quan tâm vì công ty xác định chất lượng của TSCĐ ảnh hưởng rất lớn đến năng suất và chất lượng, hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh và an toàn lao động.

Khi phát sinh nhu cầu sửa chữa thường xuyên thì chứng từ chủ yếu của công ty là sử dụng giấy xin thanh toán tiền và phiếu chi.

Cụ thể: Ngày 28/10/2009 Phòng giám đốc nhận được Giấy đề nghị thanh toán chi phí sửa chữa Xe tải 6,5 tấn 16L0140 của lái xe Trần Việt Anh. Sau khi được giám đốc duyệt chuyên sang cho phòng kế toán đề nghị thanh toán và ghi sổ kế toán.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TIỀN

Ngày 28 tháng 10 năm 2009

Kính gửi: Giám đốc công ty

Phòng kế toán công ty

Tên tôi là: Trần Việt Anh (Lái xe chở hàng)

Tôi làm đơn này xin thanh toán tiền chi phí tháng 10 năm 2009:

- Chi phí làm lốp: 250.000 đ
- Chi phí sửa cửa ô tô: 350.000 đ

Tôi viết đơn này xin giám đốc và phòng kế toán thanh toán cho tôi được thanh toán số tiền trên.

Hải phòng, ngày 28 tháng 10 năm 2009

Giám đốc duyệt

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người đề nghị

(Ký, họ tên)

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

**Đơn vị : Cty Cổ phần Sơn Hải
Phòng**

Mẫu số: 02 – TT

Địa chỉ : 12 Lạch Tray, Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)*

PHIẾU CHI

CT:12/218

Ngày 30 tháng 10 năm 2009

Nợ:

Có:

Họ và tên người nhận tiền: Trần Việt Anh

Địa chỉ: Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng

Lý do chi: Chi sửa xe tải 6,5 tấn 16L0140

Số tiền: 600.000 (Viết bằng chữ): Sáu trăm nghìn đồng.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký tên, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Sáu trăm nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá, quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN
HẢI PHÒNG**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng.

*(Ban hành theo QĐ số 15/
2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)*

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ				
						
30/10	92	30/10	Chi phí sửa chữa ô tô chở hàng 6,5 tấn	111	600.000		
						
			Cộng phát sinh		26549111434	26549111434	
			Số dư cuối năm				

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN
HẢI PHÒNG**

b). *Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ.*

Công việc sửa chữa lớn thường có chi phí sửa chữa nhiều và được tiến hành theo kế hoạch, dự toán theo từng công trình sửa chữa, Vì vậy, để giám sát chặt chẽ chi phí và hạ giá thành công trình sửa chữa lớn, các chi phí này trước hết tập hợp ở TK 241 – XDCB dở dang (2413 – sửa chữa lớn TSCĐ) chi tiết cho từng công tác sửa chữa lớn.

Công ty không tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn mà kết chuyển giá thành thi công công trình sửa chữa lớn vào TK 142 (Chi phí trả trước) sau đó phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng kỳ.

Cụ thể: Ngày 20/6/2009 công ty tiến hành sửa chữa nhà kho thành phẩm kho 3. Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng, phiếu chi tiền mặt,... kế toán tiến hành lập chứng từ ghi sổ. Từ đó làm căn cứ ghi vào sổ cái các tài khoản tương ứng.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Sơn HP

Mẫu số S02a - DN

**Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray, Lê Chân, Hải
Phòng**

*(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ -
BTC*

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:45

Ngày 30 tháng 6 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Kết chuyển chi phí sửa chữa lớn	142		125.000.000	
TSCĐ		241	125.000.000	
Cộng				

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN
HẢI PHÒNG**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng.

*(Ban hành theo QĐ số 15/
2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)*

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tên tài khoản: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Số hiệu: 241

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ		<u>7.133.906.573</u>		
						
30/6	45	30/6	-Thanh toán chi phí sửa chữa lớn	111	125.000.000		
			-Kết chuyển chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	142		125.000.000	
						
			Cộng phát sinh		43586283427	47235888816	
			Số dư cuối năm		<u>3.580.816.535</u>	<u>96.515.351</u>	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

Một số nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán TSCĐ tại công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

3.1/ Nhận xét, đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng.

3.1.1/ Nhận xét, đánh giá chung về công ty.

Gần 50 năm xây dựng và phát triển với định hướng phát triển đúng trong thời kỳ đổi mới và sự tập trung trí tuệ, phát huy mọi nguồn lực do ban lãnh đạo công ty khởi xướng, công ty Sơn Hải Phòng đã có những bước nhảy vọt về công nghệ sản xuất và dịch vụ kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu khách hàng và nhịp độ phát triển kinh tế đất nước đặc biệt trong lĩnh vực tàu biển, công trình biển, công nghiệp và xuất khẩu. Đi đôi với việc đầu tư trang thiết bị mới, công ty chú trọng đến việc nâng cao cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị để nâng cao chất lượng và chủng loại sản phẩm.

Nhìn chung công ty có bộ máy quản lý chặt chẽ, các phòng ban được phân công nhiệm vụ một cách rõ ràng cụ thể. Tuy cũng có không ít những khó khăn nhưng công ty vẫn luôn cố gắng vươn lên và đã đạt được rất nhiều thành công trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, liên tục hoàn thành kế hoạch được giao, được Đảng và Nhà nước trao nhiều danh hiệu cao quý.

Góp phần không nhỏ trong những thành công đó là hệ thống kế toán trong công ty. Trong công tác kế toán tại công ty, việc thực hiện và áp dụng chế độ kế toán của nhà nước luôn được tiến hành triệt để đúng với yêu cầu và nguyên tắc kế toán đề ra. Tuy nhiên quá trình hạch toán cũng luôn được cải tiến trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành cho phù hợp với đặc điểm và tình hình thực tế tại công ty.

3.1.2/ Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán TSCĐ nói riêng tại công ty.

a) Những ưu điểm.

Thứ nhất: Về bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức, bố trí tương đối hợp lý. Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung, mọi công việc kế toán được tiến hành ở phòng kế toán đảm bảo thuận tiện, tập trung, thống nhất trong xử lý thông tin và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Các phần hành kế toán được tổ chức khoa học, có mối liên hệ chặt chẽ với nhau tạo thành khối thống nhất giúp cho việc hạch toán tổng hợp dễ dàng hơn.

Thứ hai: Về hình thức sổ kế toán.

Công ty đã tổ chức hạch toán kế toán phù hợp với quy mô của mình thông qua việc áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức sổ phù hợp với chế độ kế toán hiện hành đồng thời phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu chi tiết theo chứng từ.

Thứ ba: Về bộ hồ sơ chứng từ kế toán

Công ty luôn chấp hành các chính sách, chế độ tài chính của nhà nước, các chính sách về giá, thuế, tổ chức sổ sách một cách phù hợp để phản ánh và quản lý tình hình tài sản công ty. Đồng thời ghi chép đầy đủ, hợp thức các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhờ đó công tác kế toán TSCĐ đã góp phần bảo vệ tài sản của công ty trong quá trình sản xuất.

Thứ tư: Về phân loại TSCĐ

Kế toán công ty phân loại TSCĐ theo 3 tiêu thức là: Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện ; theo tình hình sử dụng và theo mục đích sử dụng. Với việc áp dụng phương pháp phân loại TSCĐ như trên mà công ty có thể nắm rõ được thực trạng đầu tư và sử dụng các hạng mục theo kế hoạch, tránh sử dụng lãng phí và không đúng mục đích. Cách phân loại cụ thể, rõ ràng khiến người xem các báo cáo tài chính có thể nhận biết được thế mạnh của Công ty và giúp cho công tác quản lý và hạch toán TSCĐ được thuận tiện và hiệu quả hơn.

Thứ năm: Về công tác kế toán

- Nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ thông tin và các máy móc hỗ trợ cho công tác quản lý và công tác kế toán, Công ty đã trang bị rất

nhiều máy móc hiện đại như máy vi tính, máy in, máy fax ... cho các phòng ban trong đó có phòng kế toán. Bên cạnh đó để ghi chép chính xác và đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh và quản lý một cách chặt chẽ tài sản

- Kế toán luôn luôn kết hợp với các phòng ban khác trong công ty để nắm vững tình trạng kỹ thuật, thời gian sử dụng TSCĐ, để trích khấu hao, tham mưu cho các nhà quản lý trong các quyết định mua sắm mới, thanh lý, nhượng bán những TSCĐ không còn sử dụng được hoặc sử dụng kém hiệu quả.

- Đội ngũ nhân viên kế toán đều là những người có năng lực, trình độ, nắm vững chế độ - chính sách của nhà nước, đồng thời thường xuyên tham gia các lớp chuyên tu, bồi dưỡng nghiệp vụ. Bên cạnh việc thực hiện đúng những chế độ chính sách của nhà nước về hạch toán – kế toán thì đội ngũ kế toán công ty vận dụng một cách linh hoạt phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

b). Một số tồn tại cần khắc phục

Bên cạnh những ưu điểm, trong công tác kế toán TSCĐ còn tồn tại một số vấn đề cần khắc phục.

Thứ nhất: Về sổ sách kế toán

Công ty chưa mở đầy đủ các sổ theo dõi tình hình tăng, giảm TSCĐ mới chỉ mở sổ chi tiết TSCĐ, thẻ TSCĐ để theo dõi từng TSCĐ trong công ty mà chưa mở Bảng tổng hợp tăng giảm TSCĐ

Trong công tác tính khấu hao TSCĐ công ty mới chỉ có sổ cái theo dõi khấu hao TSCĐ mà chưa có Bảng chi tiết trích khấu hao TSCĐ.

Trong hạch toán kế toán tại công ty phản ánh các nghiệp vụ từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái mà không có Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Điều này sẽ gây khó khăn trong công tác kiểm tra đối chiếu giữa số liệu Sổ cái và Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Thứ hai: Về việc đánh số TSCĐ

Công ty không tiến hành đánh số TSCĐ, việc này làm cho công tác ghi chép TSCĐ của kế toán không thuận lợi. Công ty cần xem xét để có thể đánh số TSCĐ theo kí hiệu để thuận lợi cho công tác kế toán TSCĐ

Thứ ba: Về việc đánh giá lại TSCĐ

Công ty chưa tiến hành đánh giá lại TSCĐ khi cần thiết theo quyết định của nhà nước. Ví dụ như khi tiến hành các hoạt động liên quan đến TSCĐ như thanh lý, nhượng bán, ... thì công ty không tổ chức đánh giá lại TSCĐ mà chỉ ghi theo giá trị còn lại trên sổ sách. Trên thực tế, giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách luôn khác với giá thị trường của TSCĐ tại thời điểm thanh lý, nhượng bán.

Thứ tư: Về việc thực hiện chế độ khấu hao TSCĐ

Hiện nay công ty đang sử dụng chế độ khấu hao theo đường thẳng. Đây là phương pháp khấu hao đơn giản và được sử dụng rộng rãi nhất. Tuy nhiên phương pháp này sẽ làm chậm thời gian thu hồi vốn, chi phí khấu hao tính cho các thời điểm là không phù hợp.

TSCĐ tại công ty có nhiều loại, nhiều nhóm khác nhau nên công dụng của TSCĐ cũng như cách thức phát huy tác dụng của TSCĐ trong quá trình hoạt động kinh doanh khác nhau. Vì vậy, phương pháp khấu hao theo đường thẳng (cố định mức khấu hao theo thời gian, có tác dụng thúc đẩy doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động nhưng việc thu hồi vốn chậm, không theo kịp mức hao mòn thực tế, nhất là hao mòn vô hình do tiến bộ khoa học kỹ thuật). Vì vậy dẫn đến việc thu hồi vốn chậm, không theo kịp mức hao mòn vô hình nên đã hạn chế việc đầu tư trang thiết bị, TSCĐ mới của doanh nghiệp.

Thứ năm: Về công tác hạch toán TSCĐ

Khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến TSCĐ, một số nghiệp vụ chưa được kế toán phản ánh ngay vì vậy dễ dẫn đến việc bỏ sót nghiệp vụ. Đây cũng chính là một trong các nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ với số liệu ngoài thực tế, đồng thời cũng dẫn đến việc tính giá thành sản phẩm không chính xác, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2/ Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng.

TSCĐ là cơ sở vật chất kĩ thuật không thể thiếu được trong sản xuất kinh doanh của bất kì một doanh nghiệp nào đặc biệt trong nền kinh tế thị trường. TSCĐ là cơ sở vật chất kĩ thuật của sản xuất, là điều kiện quan trọng để tăng năng suất lao động và phát triển nền kinh tế quốc dân nên cần sự tăng thêm và đổi mới không ngừng. Điều đó có tác dụng quyết định đến yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý và sử dụng TSCĐ. Từng doanh nghiệp phải đề cao trách nhiệm làm chủ các nguồn vốn, bảo tồn và bảo vệ an toàn triệt để, hiệu quả cao mọi TSCĐ hiện có nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm và giữ vững được thị trường, đủ sức mạnh để cạnh tranh với doanh nghiệp khác.

Hơn nữa, kế toán TSCĐ rất phức tạp vì nghiệp vụ về TSCĐ rất nhiều và thường có quy mô lớn, thời gian phát sinh dài. Thêm vào đó, yêu cầu về quản lý TSCĐ rất cao. Để đảm bảo ghi chép kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cung cấp những thông tin hữu hiệu nhất cho quản lý thì cần phải tổ chức hạch toán TSCĐ một cách khoa học, tạo mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố cấu thành nên bản chất của kế toán. Tổ chức kế toán TSCĐ là quá trình hình thành lựa chọn và cung cấp thông tin có sự tăng, giảm tình hình sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp trên cơ sở thiết lập hệ thống chứng từ, sổ sách và trình tự phản ánh giám sát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Trong thời gian thực tập, tìm hiểu tình hình thực tế kế toán ở công ty Sơn Hải Phòng, em nhận thấy về cơ bản công tác kế toán sau khi áp dụng chế độ kế toán mới của Nhà Nước và của Bộ tài chính ban hành đến nay đã đi vào nề nếp bảo đảm tuân thủ mọi chế độ và phù hợp với tình hình thực tế của công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty.

Bên cạnh những mặt tích cực nêu trên, công tác kế toán TSCĐ ở công ty vẫn không tránh khỏi những tồn tại, những vấn đề chưa hoàn toàn hợp lý, chưa thật tối ưu. Để phát huy những ưu điểm đã có đồng thời khắc phục những mặt tồn tại trong hạch toán kế toán, dưới góc độ là sinh viên thực tập đã có điều kiện tìm hiểu đặc điểm sản xuất kinh doanh và tình trạng hạch toán của công ty, em xin có một vài ý kiến nhỏ mong được công ty xem xét.

Thứ nhất: Về mở sổ theo dõi TSCĐ

Để phục vụ tốt hơn cho nhu cầu quản lý TSCĐ ngoài việc mở sổ chi tiết TSCĐ tại phòng kế toán, công ty cần có Sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng và mở sổ đăng ký chứng từ cho TSCĐ và sổ theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ.

Bên cạnh đó, công ty cũng nên mở sổ theo dõi TSCĐ theo đơn vị sử dụng. Có như vậy các phòng ban được bàn giao TSCĐ sẽ luôn có những nhận biết thông tin chính xác về tình hình TSCĐ của đơn vị mình, từ đó sẽ chủ động và có trách nhiệm hơn trong quản lý và sử dụng TSCĐ. Đồng thời việc mở sổ theo dõi TSCĐ theo đơn vị sử dụng cũng giúp tạo nên tính hiệu quả và thống nhất trong công tác kế toán chi tiết tại phòng kế toán và đơn vị sử dụng.

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số S22 - DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ - BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ THEO DÕI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm:....

Tên đơn vị (phòng, ban hoặc người sử dụng).....

Ghi tăng tài sản cố định, công cụ dụng cụ							Ghi giảm tài sản cố định và công cụ, dụng cụ					Ghi chú
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách tài sản cố định và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lý do	Số lượng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng						Số hiệu	Ngày tháng				
A	B	C	D	1	2	3=1x2	E	G	H	4	5	I

- Sổ này có... trang, đánh số thứ từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm :

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
.....
.....
- Cộng tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý		

Tên đơn vị sử dụng :

Tên TSCĐ	Đơn vị quản lý	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
A/ Tăng TSCĐ				
1 Tăng do mua sắm				
Mua hệ thống xử lý	PX	216.230.648		
2 Tăng do xây dựng				
3 Tăng do ngnhan khác				
B/ Giảm TSCĐ				
1 Giảm do thanh lý				
Xe Toyota Camry	CT	1.250.000.000	800.000.000	450.000.000
2 Giảm do nhượng bán				
Xe nâng hàng 2,5 tấn	CT	222.334.000	88.933.600	133.400.400
3 Giảm do nguyên nhân khác				

Thứ hai: Về việc đánh số TSCĐ

Trong quá trình sử dụng và bảo quản TSCĐ công ty không tiến hành đánh số TSCĐ nên dẫn đến tình trạng nhầm lẫn giữa các TSCĐ với nhau. Để khắc phục tình trạng này, theo em kế toán chi tiết TSCĐ nên đánh số hiệu TSCĐ cho từng loại TSCĐ là cần thiết giúp cho việc theo dõi và quản lý TSCĐ công ty được thuận lợi hơn.

Đánh số là qui định cho mỗi TSCĐ một số hiệu theo dõi nguyên tắc nhất định. Trong thực tế có thể quy định số hiệu TSCĐ theo nhiều cách khác nhau nhưng để phù hợp với tình hình sử dụng và quản lý TSCĐ tại công ty theo em công ty nên dùng TK cấp I và cấp II về TSCĐ để đánh số TSCĐ.

- Nhà cửa – vật kiến trúc có số hiệu TK: 2111
- Máy móc thiết bị: 2112
- Nhóm phương tiện vận tải truyền dẫn: 2113
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 2114
- Quyền sử dụng đất: 2131
- Phần mềm máy tính: 2135
- Giấy phép và giấy nhượng quyền: 2136

Các số tự nhiên tiếp theo được đánh số theo từng loại của nhóm đó. Cụ thể như sau:

- Loại nhà cửa, vật kiến trúc:
 - 211.101 – Nhà làm việc 2 tầng Lạch Tray
 - 211.102 – nhà kho thành phẩm
 -
- Loại máy móc thiết bị:
 - 211.201 – Máy đột dập 40 tấn
 - 211.202 – Máy tiện
 -

Thứ ba: Về đánh giá lại TSCĐ

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

Do yêu cầu quản lý, bảo toàn vốn doanh nghiệp phải đánh giá lại TSCĐ theo mặt bằng giá của thời điểm đánh giá lại, theo quyết định của nhà nước. Công ty không nên chỉ đánh giá lại TSCĐ khi có quyết định của Nhà nước hay của cấp trên. Công ty nên đánh giá lại giá trị TSCĐ theo giá trị thị trường tại thời điểm thanh lý hay nhượng bán.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Sơn HP
Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray, Lê Chân, HP

Mẫu số S04 – TSCĐ
(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ LẠI TSCĐ

Ngày ... tháng ... năm ...

Số:
Số:
Số:

- Căn cứ quyết định số: ... ngày ... tháng ... năm ...
của về việc đánh giá lại TSCĐ.

- Ông/ Bà:..... Chức vụ: Đại diện: Chủ tịch hội đồng
- Ông/ Bà:..... Chức vụ: Đại diện: ủy viên
- Ông/ Bà:..... Chức vụ: Đại diện: ủy viên

Đã thực hiện đánh giá lại giá trị các TSCĐ sau đây:

STT	Tên,mã hiệu, quy cách TSCĐ	Số hiệu TSCĐ	Số thẻ TSCĐ	Giá trị ghi sổ			Giá trị còn lại theo đánh giá	Chênh lệch	
				Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại		Tăng	Giảm
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
	Cộng								

Thứ tư: Về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Công việc sửa chữa lớn thường có chi phí sửa chữa nhiều và được tiến hành theo kế hoạch, dự toán của công trình sửa chữa. Công ty không tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ mà khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành, giá trị thực tế công trình được kết chuyển vào Chi phí trả trước rồi phân bổ dần hàng kỳ vào chi phí sản xuất kinh doanh. Công ty nên trích trước chi phí này và các khoản chi phí sửa chữa lớn tương đối lớn, có như vậy công ty sẽ chủ động hơn trong việc hạch toán chi phí của công ty và không ảnh hưởng đến giá thành của sản phẩm.

Thứ năm: Về hạch toán khấu hao TSCĐ.

Hiện nay công ty đang sử dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng. Đây là phương pháp đơn giản và rộng rãi nhất. Tuy nhiên với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật ngày nay thì đòi hỏi doanh nghiệp phải thường xuyên đổi mới máy móc thiết bị. Chính vì vậy việc khấu hao theo phương pháp đường thẳng sẽ làm chậm thời gian thu hồi vốn, chi phí tính khấu hao cho các thời điểm là không phù hợp.

Để khắc phục nhược điểm này, theo em công ty nên kết hợp giữa phương pháp khấu hao theo đường thẳng và phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần.

Dựa trên sự kết hợp này thì công ty có thể thực hiện trong những năm đầu trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần. Theo phương pháp này tỷ lệ khấu hao không đổi nhưng mức khấu hao giảm dần theo giá trị còn lại của tài sản. Về ưu điểm thì nó giúp công ty thu hồi vốn nhanh do đó phòng ngừa được hiện tượng mất giá do hao mòn vô hình.

Những năm gần cuối công ty sẽ tiến hành rích khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Sử dụng phương pháp này sẽ khắc phục được nhược điểm của phương pháp trích khấu hao theo số dư giảm dần là tuy thu hồi vốn nhanh nhưng thường kéo dài thời gian tính khấu hao.

Sử dụng kết hợp hai phương pháp này sẽ đem lại hiệu quả cao trong công tác tính và trích khấu hao TSCĐ. Và sau một số năm đầu thực hiện công tác

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần công ty sẽ thu hồi được một lượng vốn lớn. Từ đó công ty có thể tiến hành thanh lý hoặc nhượng bán TSCĐ để đầu tư trang thiết bị mới cho công tác của mình. Mặt khác trong trường hợp không tiến hành thanh lý nhượng bán TSCĐ thì công ty sẽ tiến hành trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng những năm cuối. Như vậy sẽ thúc đẩy việc thu hồi vốn nhanh trong việc đầu tư cho TSCĐ.

Công thức tính theo phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần như sau:
Xác định mức trích khấu hao năm của TSCĐ trong các năm đầu theo công thức sau:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{TSCĐ}} \times \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}$$

Trong đó:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh} = \text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng} \times \text{Hệ số điều chỉnh}$$

$$\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng} = \frac{1}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh thời gian sử dụng của TSCĐ

Thời gian sử	Hệ số điều chỉnh(lần)
Đến 4 năm	1,5
Trên 4 đến 6 năm	2,0
Trên 6 năm	2,5

Vậy mức khấu hao của Hệ thống xử lý nước thải có nguyên giá 216.230.648 đ, thời gian sử dụng ước tính 8 năm, hệ số điều chỉnh sẽ là 2,5

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SON
HẢI PHÒNG**

= > Mức trích khấu hao hàng năm của hệ thống sử lý nước thải là:

Năm	Mức khấu hao hàng năm	Mức khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	$216.230.648 \times 2,5 \times 12,5\% = 67.572.077$	67.572.077	148.658.571
2	$148.658.571 \times 2,5 \times 12,5\% = 46.455.803$	114.027.880	102.202.768
3	$102.202.768 \times 2,5 \times 12,5\% = 31.938.365$	145.966.253	70.264.403
4	$70.264.403 \times 2,5 \times 12,5\% = 21.957.625$	167.923.878	48.306.778
5	$48.306.778 \times 2,5 \times 12,5\% = 15.095.868$	183.019.746	33.210.910
6	$33.210.910 \times 2,5 \times 12,5\% = 10.378.409$	193.398.155	22.832.501
7	$22.832.501 : 2 = 11.416.250$	204.814.405	11.416.250
8	11.416.250	216.230.648	

Thứ sáu : Vấn đề hạch toán kế toán TSCĐ

Công ty phải phản ánh kịp thời, chính xác các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến việc mua sắm, thanh lý TSCĐ. Mỗi nghiệp vụ phát sinh, kế toán nhanh chóng vào chứng từ, sổ sách liên quan. Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu trên sổ sách với kết quả kiểm tra, đánh giá TSCĐ của công ty, đồng thời giúp Ban giám đốc công ty có những thông tin chính xác và kịp thời về tình hình sử dụng tài sản của công ty mình.

Thứ bảy: Về công tác kế toán tại công ty.

- Trong bộ máy kế toán công ty thì kế toán trưởng còn kiêm nhiệm nhiều phần hạch toán. Công ty cần bổ sung kế toán tổng hợp hay kế toán TSCĐ để giúp kế toán trưởng giảm tải công việc.

- Ngoài việc sử dụng kế toán tài chính nhằm cung cấp thông tin, công ty nên áp dụng kế toán quản trị trong công ty. Vì kế toán quản trị không chỉ thu nhận xử lý và cung cấp các thông tin về các nghiệp vụ kinh tế đã thực sự hoàn thành, đã ghi chép, hệ thống hóa trong các sổ kế toán, mà còn xử lý và cung cấp các thông tin phục vụ cho các việc ra quyết định quản trị. Việc làm này sẽ cung cấp cho các nhà quản lý các thông tin liên lạc, trên cơ sở đó có các giải pháp

khác nhau trong việc đầu tư có hiệu quả TSCĐ để kịp thời khắc phục những hạn chế còn tồn tại.

Tóm lại:

Trên đây là một số ý kiến đề xuất mà em đã mạnh dạn đưa ra nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty. Em hi vọng công ty có thể xem xét và một phần áp dụng nhằm nâng cao công tác kế toán TSCĐ và hiệu quả sử dụng TSCĐ để đạt được mục tiêu tối ưu tạo đà phát triển vững mạnh cho công ty hiện nay và trong tương lai.

Kết luận

TSCĐ là một bộ phận của tư liệu sản xuất, giữ vai trò là công cụ lao động chủ yếu trong quá trình sản xuất, được coi là cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ công nghệ, thế mạnh của doanh nghiệp. Trong một doanh nghiệp nếu TSCĐ tăng thì sức lao động được tiết kiệm nhiều hơn và năng suất lao động tăng cao. Trong sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, khoa học công nghệ hiện đại, để tạo được càng nhiều sản phẩm có chất lượng cao, nâng cao hiệu quả cạnh tranh của doanh nghiệp, vấn đề đổi mới kỹ thuật, công nghệ cho quá trình sản xuất là rất cần thiết. Muốn vậy trong công tác quản lý TSCĐ cần đặc biệt coi trọng vì quản lý TSCĐ còn là để bảo vệ tài sản cho doanh nghiệp, đảm bảo khả năng tái sản xuất phát triển của doanh nghiệp.

Nhận thức được vai trò quan trọng của TSCĐ Công ty Sơn Hải Phòng cũng như các doanh nghiệp khác không ngừng trang bị và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao công tác quản lý TSCĐ, đó là một trong những chiến lược phát triển lâu dài của công ty.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Sơn Hải Phòng cũng như trong quá trình làm khóa luận, em luôn nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo hướng dẫn và các anh chị trong phòng kế toán công ty, cùng với kiến thức đã học tại trường em đã phần nào hiểu được thực tế công tác kế toán nói chung và kế toán TSCĐ nói riêng.

Tuy nhiên do kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của thầy cô và các anh chị tại phòng kế toán công ty Sơn Hải Phòng.

Cuối cùng, em xin trân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của cô Nghiêm Thị Thà và các anh chị phòng kế toán đã hướng dẫn và giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải phòng, Tháng 6 năm 2010

Sinh viên

Đỗ Thị Lan

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG I Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán tài sản cố định	3
<i>trong các doanh nghiệp.....</i>	<i>3</i>
1.1.TSCĐ, vị trí, ý nghĩa của TSCĐ trong doanh nghiệp.....	3
<i>1.1.1.Khái niệm TSCĐ</i>	<i>3</i>
<i>1.1.2.Đặc điểm của TSCĐ.....</i>	<i>3</i>
1.2.Vai trò và nhiệm vụ của kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.....	4
<i>1.2.1.Vai trò của TSCĐ.....</i>	<i>4</i>
<i>1.2.2.Yêu cầu quản lý TSCĐ.....</i>	<i>5</i>
<i>1.2.3.Nhiệm vụ hạch toán TSCĐ trong doanh nghiệp.....</i>	<i>5</i>
1.3. Phân loại và đánh giá lại TSCĐ.....	6
<i>1.3.1. Phân loại TSCĐ.....</i>	<i>6</i>
1.4. Kế toán khấu hao TSCĐ.....	14
<i>1.4.1 Khái niệm.....</i>	<i>14</i>
<i>1.4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ.....</i>	<i>14</i>
<i>1.4.2 Khấu hao TSCĐ</i>	<i>19</i>
1.5 Nội dung kế toán TSCĐ.....	23
<i>1.5.1 Kế toán chi tiết TSCĐ.....</i>	<i>23</i>
<i>1.5.3 Kế toán sửa chữa TSCĐ</i>	<i>37</i>
<i>1.5.4 Tổ chức kế toán TSCĐ trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán....</i>	<i>39</i>
CHƯƠNG 2 Thực tế tổ chức công tác kế toán tài sản cố định tại công ty ..	44
Cổ phần Sơn Hải Phòng.....	44
2.1/ Giới thiệu chung về công ty cổ phần Sơn Hải Phòng	44
<i>2.1.1/ Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng</i>	<i>44</i>
<i>2.1.2/ Những vấn đề chung về công tác hạch toán kế toán tại công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng.....</i>	<i>51</i>
2.2/ Thực tế tổ chức kế toán TSCĐ tại công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng. ...	55
<i>2.2.1/ Đặc điểm, tình hình quản lý và sử dụng TSCĐ tại công ty.....</i>	<i>55</i>
<i>2.2.2/ Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại công ty.....</i>	<i>61</i>

CHƯƠNG 3 Một số nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán TSCĐ tại công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng.....	91
3.1/ Nhận xét, đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng.	91
3.1.1/ Nhận xét, đánh giá chung về công ty.	91
3.1.2/ Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán TSCĐ nói riêng tại công ty.	91
Kết luận	105